

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

20.SLB.Y2018.1

NGÀY THI: 28/04/2021

Sinh lý bệnh ca 1

Từ máy **001 - 180**: vào cửa **A**

Từ máy **371 - 415**: vào cửa **D**

Từ máy **181 - 270**: vào cửa **B**

Từ máy **416 - 460**: vào cửa **E**

Từ máy **271 - 360**: vào cửa **C**

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
1	1551010315	Lý Đại Phong	24/07/1997	Nam	234	Y2015B	
2	1551010833	Vương Gia Đạt	05/04/1997	Nam	100	Y2015B	
3	1651010262	Đặng Trương Ngọc Hân	12/12/1998	Nữ	064	Y2016B	
4	1651010271	Nguyễn Minh Hiếu	09/05/1998	Nam	324	Y2016B	
5	1651010371	Trần Xuân Quỳnh	26/11/1998	Nữ	068	Y2016B	
6	1651010436	Hà Ngọc Khánh Vy	11/04/1998	Nữ	210	Y2016B	
7	1751010227	Phạm Ngọc An	17/11/1999	Nam	320	Y2017B	
8	1751010235	Bùi Công Tuấn Anh	20/08/1999	Nam	136	Y2017B	
9	1751010240	Trần Đăng Bảo	02/09/1999	Nam	106	Y2017B	
10	1751010244	Trần HoàNg Lan Chi	21/06/1999	Nữ	274	Y2017B	
11	1751010248	Nguyễn Quốc Cường	27/04/1999	Nam	280	Y2017B	
12	1751010256	Nguyễn Đỗ Ly Dung	29/04/1998	Nữ	282	Y2017B	
13	1751010259	Nguyễn Quốc Duy	23/07/1999	Nam	226	Y2017B	
14	1751010274	Nguyễn Võ Đông Hào	15/09/1999	Nam	354	Y2017B	
15	1751010342	Trần Phước Thành Nguyên	25/10/1999	Nam	140	Y2017B	
16	1751010353	Vương Đỗ Hồng Nhung	04/12/1999	Nữ	020	Y2017B	
17	1751010371	Nguyễn Quang Quý	19/05/1999	Nam	367	Y2017B	
18	1751010374	Trương Đắc Sỹ	20/11/1999	Nam	155	Y2017B	
19	1751010377	Nguyễn Xuân Thanh Tâm	05/11/1999	Nữ	094	Y2017B	
20	1751010380	Nguyễn Chí Thắng	27/03/1999	Nam	351	Y2017B	
21	1751010382	Đinh Thị Thanh	01/10/1999	Nữ	290	Y2017B	
22	1751010384	Nguyễn Tiến Thành	21/05/1999	Nam	298	Y2017B	
23	1751010387	Huỳnh Trần Kim Thảo	23/09/1999	Nữ	115	Y2017B	
24	1751010394	Lê Phước Thọ	01/10/1999	Nam	295	Y2017B	
25	1751010395	Hồ Phi Thoại	30/10/1998	Nam	307	Y2017B	
26	1751010408	Ngô Văn Tiến	23/07/1999	Nam	294	Y2017B	
27	1751010420	Đặng Hải Triều	01/02/1999	Nam	151	Y2017B	
28	1751010421	Hoàng Trịnh Phương Trinh	26/09/1999	Nữ	299	Y2017B	
29	1751010441	Trần Công Lê Văn	02/03/1999	Nam	138	Y2017B	
30	1751010443	Lê Trí Viễn	05/05/1999	Nam	028	Y2017B	
31	1751010444	Lê Hữu Vinh	29/11/1998	Nam	113	Y2017B	
32	1751010448	Đặng Thanh Vy	04/07/1999	Nữ	051	Y2017B	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
33	1851010056	Trần Văn Hoàng	20/11/2000	Nam	202	Y2018A	
34	1851010108	Võ Trần Minh Ngọc	4/11/2000	Nữ	303	Y2018A	
35	1851010212	Nguyễn Trần Gia An	23/6/2000	Nữ	142	Y2018B	
36	1851010213	Nguyễn Trường An	24/11/2000	Nữ	096	Y2018B	
37	1851010214	Đào Lê Vân Anh	5/11/2000	Nam	147	Y2018B	
38	1851010215	Huỳnh Hứa Vân Anh	28/2/2000	Nữ	149	Y2018B	
39	1851010216	Lê Đức Anh	21/12/2000	Nữ	359	Y2018B	
40	1851010217	Nguyễn Chính Minh Anh	24/8/1999	Nữ	260	Y2018B	
41	1851010218	Nguyễn Lê Bảo Anh	21/4/2000	Nữ	220	Y2018B	
42	1851010219	Trần Thục Anh	2/4/2000	Nam	265	Y2018B	
43	1851010220	Nông Trần Ngọc Ánh	10/11/2000	Nam	276	Y2018B	
44	1851010221	Bùi Bảo Bằng	3/1/2000	Nam	311	Y2018B	
45	1851010222	Nguyễn Huỳnh Thọ Bình	2/8/2000	Nữ	125	Y2018B	
46	1851010223	Nguyễn Quốc Bình	28/5/1998	Nữ	335	Y2018B	
47	1851010224	Vương Tú Bình	10/3/2000	Nữ	134	Y2018B	
48	1851010225	Nguyễn Bích Cẩm	14/6/2000	Nữ	253	Y2018B	
49	1851010226	Lê Thanh Châu	1/5/2000	Nữ	045	Y2018B	
50	1851010227	Nguyễn Thị Minh Châu	27/11/2000	Nam	369	Y2018B	
51	1851010228	Võ Thị Chi	20/4/1999	Nam	317	Y2018B	
52	1851010229	Võ Chí Cường	5/1/2000	Nữ	313	Y2018B	
53	1851010230	Trang Hoàng Diễn	4/12/1998	Nam	003	Y2018B	
54	1851010231	Trần Thị Diệu	30/11/2000	Nam	119	Y2018B	
55	1851010232	Nguyễn Đức Duệ	17/10/2000	Nam	312	Y2018B	
56	1851010233	Đặng Anh Duy	18/9/2000	Nam	321	Y2018B	
57	1851010234	Lê Quang Duy	13/9/1999	Nam	222	Y2018B	
58	1851010235	Nguyễn Hoàng Duy	22/10/2000	Nam	349	Y2018B	
59	1851010236	Nguyễn Minh Duy	7/3/2000	Nam	328	Y2018B	
60	1851010238	Tổng Đức Duy	13/5/2000	Nam	304	Y2018B	
61	1851010239	Võ Thanh Duy	13/7/2000	Nam	365	Y2018B	
62	1851010240	Hoàng Anh Dũng	20/2/2000	Nam	337	Y2018B	
63	1851010241	La Quốc Đạt	21/1/2000	Nam	346	Y2018B	
64	1851010242	Lâm Vạn Đạt	6/7/2000	Nam	227	Y2018B	
65	1851010244	Phan Hải Đăng	27/4/2000	Nam	300	Y2018B	
66	1851010245	Phạm Minh Đăng	2/10/2000	Nam	244	Y2018B	
67	1851010246	Nguyễn Đình Nhật Đầu	1/10/1998	Nam	364	Y2018B	
68	1851010247	Phạm Trọng Đình	8/1/2000	Nam	121	Y2018B	
69	1851010248	Lý Đông	22/12/2000	Nam	239	Y2018B	
70	1851010249	Nguyễn Minh Đức	9/12/2000	Nữ	036	Y2018B	
71	1851010250	Bế Nguyễn Trường Giang	17/1/2000	Nam	232	Y2018B	
72	1851010251	Dương Quỳnh Giang	27/5/2000	Nữ	305	Y2018B	
73	1851010252	Trần Nguyễn Minh Giang	1/4/2000	Nữ	246	Y2018B	
74	1851010253	Hồ Lê Phương Giao	13/2/2000	Nữ	297	Y2018B	
75	1851010254	Huỳnh Thị Thu Hà	6/8/2000	Nữ	332	Y2018B	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
76	1851010255	Nguyễn Đặng Nguyên Hà	7/3/2000	Nữ	277	Y2018B	
77	1851010256	Phan Thị Như Hào	2/12/1999	Nữ	352	Y2018B	
78	1851010257	Phan Gia Hân	27/12/2000	Nam	242	Y2018B	
79	1851010258	Trần Ngọc Hân	1/6/2000	Nữ	269	Y2018B	
80	1851010259	Nguyễn Đức Hậu	21/9/2000	Nam	340	Y2018B	
81	1851010260	Châu Thị Minh Hiền	16/3/2000	Nam	314	Y2018B	
82	1851010261	Đinh Bá Hiếu	13/4/2000	Nam	161	Y2018B	
83	1851010262	Đỗ Minh Hiếu	16/4/2000	Nam	288	Y2018B	
84	1851010263	Nguyễn Trần Trung Hiếu	4/1/2000	Nam	362	Y2018B	
85	1851010264	Trần Văn Hiếu	26/3/2000	Nam	233	Y2018B	
86	1851010265	Võ Hoàng Hiếu	29/6/2000	Nam	007	Y2018B	
87	1851010266	Trần Lê Hoàng	27/11/2000	Nam	289	Y2018B	
88	1851010267	Nguyễn Thanh Hòa	23/3/1999	Nam	072	Y2018B	
89	1851010268	Đinh Lê Nhật Huy	24/12/2000	Nam	228	Y2018B	
90	1851010269	Lâm Gia Huy	23/12/2000	Nam	291	Y2018B	
91	1851010270	Nguyễn Quang Huy	30/10/2000	Nam	286	Y2018B	
92	1851010271	Nguyễn Quốc Huy	10/12/2000	Nam	301	Y2018B	
93	1851010272	Phan Gia Huy	6/5/2000	Nữ	363	Y2018B	
94	1851010273	Trần Anh Huy	8/12/2000	Nam	062	Y2018B	
95	1851010274	Lương Thị Ngọc Huỳnh	27/12/1999	Nam	370	Y2018B	
96	1851010275	Nguyễn Chí Huỳnh	9/4/2000	Nam	047	Y2018B	
97	1851010276	Lê Gia Hùng	14/11/2000	Nam	327	Y2018B	
98	1851010277	Nguyễn Minh Hùng	9/2/2000	Nam	043	Y2018B	
99	1851010279	Nguyễn Tiến Hưng	23/6/2000	Nam	339	Y2018B	
100	1851010280	Nguyễn Văn Hường	22/4/2000	Nam	060	Y2018B	
101	1851010281	Huỳnh Hoàng Khang	1/3/2000	Nam	325	Y2018B	
102	1851010282	Bùi Trần Quang Khải	24/11/2000	Nam	318	Y2018B	
103	1851010283	Huỳnh Quốc Khánh	22/8/1999	Nam	230	Y2018B	
104	1851010284	Đoàn Gia Khiêm	30/11/2000	Nam	208	Y2018B	
105	1851010285	Trần Huy Khiêm	5/9/2000	Nam	285	Y2018B	
106	1851010286	Bùi Đăng Khoa	17/2/2000	Nam	092	Y2018B	
107	1851010287	Đinh Toàn Khoa	27/7/2000	Nam	009	Y2018B	
108	1851010288	Nguyễn Đăng Khoa	16/9/1999	Nam	241	Y2018B	
109	1851010289	Nguyễn Minh Đăng Khoa	30/3/2000	Nam	341	Y2018B	
110	1851010290	Nguyễn Tấn Khoa	12/7/2000	Nữ	267	Y2018B	
111	1851010291	Đông Tuấn Kiệt	19/2/2000	Nam	247	Y2018B	
112	1851010292	Đoàn Nguyễn Hoàng Lan	13/2/2000	Nữ	319	Y2018B	
113	1851010293	Nguyễn Phước Lâm	21/3/2000	Nữ	261	Y2018B	
114	1851010294	Nguyễn Ngọc Mỹ Liên	7/4/1999	Nữ	293	Y2018B	
115	1851010296	Tổng Khánh Linh	3/5/2000	Nữ	109	Y2018B	
116	1851010297	Trần Mỹ Linh	24/12/2000	Nữ	356	Y2018B	
117	1851010298	Trần Thị Ánh Linh	5/7/1999	Nữ	309	Y2018B	
118	1851010299	Trương Ái Linh	19/11/2000	Nam	326	Y2018B	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
119	1851010300	Dương Bích Loan	29/4/2000	Nam	102	Y2018B	
120	1851010301	Lê Hoàng Long	21/10/2000	Nam	322	Y2018B	
121	1851010302	Nguyễn Hoàng Long	30/7/2000	Nam	005	Y2018B	
122	1851010303	Nguyễn Hữu Hoàng Long	19/5/2000	Nữ	306	Y2018B	
123	1851010304	Trang Hoàng Long	14/2/2000	Nam	219	Y2018B	
124	1851010307	Cao Hoàng My	11/4/2000	Nữ	266	Y2018B	
125	1851010308	Mai Trà My	18/5/2000	Nữ	334	Y2018B	
126	1851010309	Phan Hà My	2/9/2000	Nữ	344	Y2018B	
127	1851010310	Phan Trần Nguyễn Bảo My	16/3/2000	Nữ	229	Y2018B	
128	1851010311	Trương Thị Hoàn Mỹ	13/1/2000	Nữ	358	Y2018B	
129	1851010312	Hồ Hoàng Kim Ngân	7/9/1999	Nam	221	Y2018B	
130	1851010313	Nguyễn Dương Thúy Ngân	27/2/2000	Nam	235	Y2018B	
131	1851010314	Lê Tuấn Nghĩa	28/1/2000	Nam	262	Y2018B	
132	1851010315	Trần Đặng Nghĩa	10/10/2000	Nữ	316	Y2018B	
133	1851010316	Trịnh Trung Ngoan	16/1/1999	Nữ	013	Y2018B	
134	1851010317	Hoàng Minh Ngọc	13/11/2000	Nữ	347	Y2018B	
135	1851010320	Phạm Vũ Thúy Ngọc	24/4/1997	Nữ	223	Y2018B	
136	1851010321	Trần Bảo Ngọc	10/9/2000	Nữ	240	Y2018B	
137	1851010322	Trần Hồng Ngọc	28/1/2000	Nữ	350	Y2018B	
138	1851010323	Trần Mẫn Ngọc	7/12/2000	Nam	255	Y2018B	
139	1851010324	Lê Thị Thảo Nguyên	7/10/2000	Nữ	077	Y2018B	
140	1851010326	Lê Ngọc Trường Nhân	21/2/2000	Nữ	111	Y2018B	
141	1851010327	Lê Quỳnh Nhi	10/8/2000	Nữ	250	Y2018B	
142	1851010328	Lê Thiên Nhi	22/6/2000	Nữ	159	Y2018B	
143	1851010329	Nguyễn Ngọc Hoàng Nhi	18/2/2000	Nữ	022	Y2018B	
144	1851010330	Trần Mỹ Nhi	1/10/2000	Nữ	268	Y2018B	
145	1851010331	Trương Nguyễn Yến Nhi	6/7/2000	Nữ	075	Y2018B	
146	1851010332	Nguyễn Lê Kim Như	7/7/2000	Nữ	204	Y2018B	
147	1851010333	Nguyễn Lê Tổ Như	15/6/2000	Nam	130	Y2018B	
148	1851010334	Nguyễn Thị Quỳnh Như	5/11/2000	Nam	049	Y2018B	
149	1851010335	Hứa Tấn Phát	11/8/1999	Nam	366	Y2018B	
150	1851010336	Nguyễn Vạn Phát	29/8/1999	Nam	231	Y2018B	
151	1851010337	Võ Tiến Phát	8/2/1997	Nam	292	Y2018B	
152	1851010339	Phạm Quang Phú	9/8/2000	Nữ	302	Y2018B	
153	1851010341	Trần Lê Vĩnh Phúc	18/2/2000	Nữ	098	Y2018B	
154	1851010342	Trương Gia Phúc	30/1/2000	Nam	284	Y2018B	
155	1851010343	Lê Kim Phụng	22/7/2000	Nữ	272	Y2018B	
156	1851010344	Lưu Thanh Phương	3/7/2000	Nam	296	Y2018B	
157	1851010345	Nguyễn Minh Phương	1/7/2000	Nữ	333	Y2018B	
158	1851010346	Trần Thanh Phương(T4)	16/4/2000	Nữ	264	Y2018B	
159	1851010348	Lê Ngọc Như Phượng	19/3/1996	Nam	200	Y2018B	
160	1851010349	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	21/10/2000	Nam	254	Y2018B	
161	1851010350	Trương Đăng Quang	4/4/1999	Nữ	145	Y2018B	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
162	1851010353	Nguyễn Minh Thục Quyên	15/10/1999	Nam	237	Y2018B	
163	1851010354	Ngô Nghĩa Quý	7/12/2000	Nam	329	Y2018B	
164	1851010356	Sử Thanh Sơn	20/11/2000	Nam	361	Y2018B	
165	1851010357	Dương Công Tài	15/4/2000	Nam	256	Y2018B	
166	1851010358	Lê Hữu Tài	4/5/2000	Nữ	308	Y2018B	
167	1851010359	Võ Tiến Tài	15/11/2000	Nữ	281	Y2018B	
168	1851010360	Dương Ngọc Minh Tâm	12/11/2000	Nam	081	Y2018B	
169	1851010361	Phạm Ngọc Thanh Tâm	17/10/1999	Nam	117	Y2018B	
170	1851010362	Võ Hoàng Tân	10/12/2000	Nữ	206	Y2018B	
171	1851010363	Võ Văn Tấn	6/6/2000	Nam	217	Y2018B	
172	1851010364	Nguyễn Ngọc Thiên Thanh	19/2/2000	Nữ	252	Y2018B	
173	1851010365	Nguyễn Nhựt Thanh	20/5/2000	Nữ	153	Y2018B	
174	1851010366	Trần Thị Thanh Thanh	6/5/2000	Nam	041	Y2018B	
175	1851010367	Nguyễn Quỳnh Thao	2/3/2000	Nữ	123	Y2018B	
176	1851010369	Châu Thanh Thảo	2/5/2000	Nữ	270	Y2018B	
177	1851010370	Dương Thu Thảo	27/11/2000	Nam	273	Y2018B	
178	1851010371	Phạm Thị Thu Thảo	9/9/2000	Nữ	212	Y2018B	
179	1851010372	Nguyễn Huỳnh Thái	16/7/2000	Nam	108	Y2018B	
180	1851010373	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	15/6/2000	Nam	287	Y2018B	
181	1851010374	Huỳnh Hữu Thắng	16/9/1999	Nữ	259	Y2018B	
182	1851010375	Huỳnh Lê Quốc Thắng	7/12/2000	Nữ	066	Y2018B	
183	1851010376	Chế Hồng Bảo Thi	2/12/2000	Nam	037	Y2018B	
184	1851010378	Nguyễn Đức Thiên	19/3/2000	Nữ	315	Y2018B	
185	1851010379	Phan Đình Thiện	2/11/2000	Nữ	070	Y2018B	
186	1851010380	Nguyễn Thị Phương Thùy	19/11/2000	Nữ	336	Y2018B	
187	1851010381	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	25/10/2000	Nữ	263	Y2018B	
188	1851010382	Huỳnh Ngọc Anh Thy	2/1/2000	Nữ	238	Y2018B	
189	1851010383	Lý Hồng Mai Thy	2/1/2000	Nữ	079	Y2018B	
190	1851010384	Nguyễn Thị Uyên Thy	9/4/2000	Nữ	089	Y2018B	
191	1851010385	Trương Nhã Đông Thy	27/12/2000	Nam	104	Y2018B	
192	1851010386	Nguyễn Hồ Thủy Tiên	31/10/2000	Nam	236	Y2018B	
193	1851010387	Lương Văn Tiến	13/1/1999	Nam	218	Y2018B	
194	1851010388	Khuru Trung Tín	5/1/2000	Nam	331	Y2018B	
195	1851010389	Phạm Minh Toàn	3/12/2000	Nữ	132	Y2018B	
196	1851010390	Võ Văn Song Toàn	21/6/2000	Nữ	271	Y2018B	
197	1851010391	Bùi Thị Kim Trang	6/9/2000	Nữ	030	Y2018B	
198	1851010392	Nguyễn Mai Thùy Trang	14/12/2000	Nữ	214	Y2018B	
199	1851010393	Phạm Thị Thu Trang	31/5/2000	Nam	279	Y2018B	
200	1851010394	Trần Thị Thùy Trang	2/2/2000	Nam	338	Y2018B	
201	1851010395	Lê Hoàng Minh Triết	11/8/1999	Nữ	323	Y2018B	
202	1851010396	Nguyễn Minh Triệu	7/10/2000	Nam	157	Y2018B	
203	1851010397	Dương Phan Nhật Trinh	1/1/2000	Nam	330	Y2018B	
204	1851010399	Lê Minh Trí	12/2/2000	Nam	001	Y2018B	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
205	1851010400	Hồ Thị Thanh Trúc	29/1/2000	Nam	024	Y2018B	
206	1851010401	Nguyễn Nhật Trường	25/2/2000	Nam	056	Y2018B	
207	1851010402	Nguyễn Viết Trường	27/6/2000	Nam	073	Y2018B	
208	1851010403	Phạm Quang Trường	2/2/2000	Nam	087	Y2018B	
209	1851010405	Nguyễn Thanh Tuấn	19/5/2000	Nam	283	Y2018B	
210	1851010406	Trần Anh Tuấn	16/8/1999	Nữ	353	Y2018B	
211	1851010407	Đỗ Đức Tuệ	13/9/2000	Nam	342	Y2018B	
212	1851010410	Lê Minh Anh Tú	28/3/2000	Nam	216	Y2018B	
213	1851010411	Nguyễn Thị Cẩm Tú	17/4/2000	Nữ	310	Y2018B	
214	1851010412	Tạ Hoàng Anh Tú	19/9/2000	Nữ	243	Y2018B	
215	1851010413	Lê Nhã Trúc Uyên	4/2/1999	Nữ	278	Y2018B	
216	1851010414	Nguyễn Huỳnh Thảo Uyên	18/7/1997	Nữ	357	Y2018B	
217	1851010415	Phan Hoàng Thảo Uyên	15/9/2000	Nữ	144	Y2018B	
218	1851010416	Nguy Thị Hoài Vân	13/4/2000	Nam	032	Y2018B	
219	1851010417	Nguyễn Thanh Vi	9/8/2000	Nam	258	Y2018B	
220	1851010418	Lâm Quốc Việt	4/3/2000	Nữ	248	Y2018B	
221	1851010419	Nguyễn Nhật Vĩnh	4/5/2000	Nữ	085	Y2018B	
222	1851010420	Diệp Trần Mai Vy	5/9/2000	Nữ	011	Y2018B	
223	1851010422	Nguyễn Huỳnh Uyên Vy	10/7/2000	Nữ	355	Y2018B	
224	1851010463	Phạm Thị Cẩm Giang	4/8/2000	Nam	053	Y2018B	
225	1851010505	Nguyễn Thị Phương Linh	12/4/2000	Nam	360	Y2018C	
226	1851010506	Phan Lê Thùy Linh	31/8/1999	Nữ	026	Y2018B	
227	1851010622	Nguyễn Giang Mỹ Uyên	2/11/2000	Nam	058	Y2018B	
228	1851010677	Nguyễn Thị Ngọc Hân	1/1/2000	Nam	245	Y2018B	
229	1851010691	Lâm Nguyễn Hoàn Huy	10/11/2000	Nữ	343	Y2018B	
230	1851010725	Nguyễn Tấn Lộc	18/4/1999	Nữ	257	Y2018D	
231	1851010857	Quách Thị Thiên Anh	13/6/2000	Nam	348	Y2018B	
232	1851010859	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	2/9/2000	Nữ	368	Y2018B	
233	1851010860	Nguyễn Thị Thu Hương	17/7/2000	Nữ	225	Y2018B	
234	1851010861	Trương Chí Khang	29/9/2000	Nữ	039	Y2018B	
235	1851010862	Lê Trung Kiên	19/9/2000	Nam	034	Y2018B	
236	1851010864	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/6/2000	Nam	083	Y2018B	
237	1851010865	Nguyễn Hoàng Vũ	16/10/2000	Nam	249	Y2018B	
238	1851010900	Detvilaseng Ammaly	1/4/1999	Nam	345	Y2018B	
239	1851010902	Sisouvanna Kaimany	29/3/1999	Nữ	224	Y2018B	
240	1851010904	Nengmai Khammeevue	4/9/1996	Nữ	128	Y2018B	
241	1851010905	Chaleunsouk Phoukham	6/7/1998	Nữ	275	Y2018B	
242	1851010923	Phan Thị Kim Đào	12/9/2000	Nam	251	Y2018B	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2021

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

20.SLB.Y2018.1

NGÀY THI: 28/04/2021

Sinh lý bệnh ca 2

Từ máy **001 - 180**: vào **cửa A**

Từ máy **371 - 415**: vào **cửa D**

Từ máy **181 - 270**: vào **cửa B**

Từ máy **416 - 460**: vào **cửa E**

Từ máy **271 - 360**: vào **cửa C**

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
1	1551010046	Huỳnh Đăng Trung Hiếu	30/12/1997	Nam	144	Y2015A	
2	1551010131	Mã Nguyên Phương	25/06/1997	Nữ	118	Y2015A	
3	1551010148	Huỳnh Quốc Thanh	19/10/1995	Nam	230	Y2015A	
4	1551010154	Nguyễn Thị Phương Thảo	31/05/1989	Nữ	123	Y2015A	
5	1551010169	Nguyễn Công Tín	27/11/1996	Nam	363	Y2015A	
6	1551010188	Nguyễn Thị Cẩm Tuyên	07/10/1997	Nữ	293	Y2015A	
7	1551010829	Phayvanh Keomonty	02/04/1989	Nam	242	Y2015A	
8	1651010007	Ngô Đức Anh	30/03/1998	Nam	108	Y2016A	
9	1651010012	Lê Thiên Ân	05/11/1997	Nam	309	Y2016A	
10	1651010017	Trần Quốc Bảo	27/09/1998	Nam	252	Y2016A	
11	1651010069	Nguyễn Thị Xuân Hương	16/01/1998	Nữ	031	Y2016A	
12	1651010070	Lưu Đức Khải	15/12/1997	Nam	203	Y2016A	
13	1651010138	Đỗ Hoàng Gia Phú	12/04/1998	Nam	096	Y2016A	
14	1651010193	Hà Minh Trí	10/08/1995	Nam	091	Y2016A	
15	1651010688	Lại Hợp Dũng	31/01/1998	Nam	312	Y2016D	
16	1751010013	Đặng Mai Thế Anh	19/05/1999	Nam	268	Y2017A	
17	1751010017	Hồ Dương Gia Bảo	10/06/1999	Nam	222	Y2017A	
18	1751010019	Mai Quốc Bảo	27/10/1999	Nam	253	Y2017A	
19	1751010031	Trần Hữu Đạt	30/09/1999	Nam	094	Y2017A	
20	1751010045	Lê Song Hạ	03/03/1998	Nữ	058	Y2017A	
21	1751010047	Dương Thanh Hải	04/10/1998	Nam	303	Y2017A	
22	1751010053	Huỳnh Huy Hào	28/10/1999	Nam	146	Y2017A	
23	1751010058	Hồ Thị Hồng Hòa	02/04/1999	Nữ	314	Y2017A	
24	1751010079	Nguyễn Anh Khoa	02/04/1999	Nam	231	Y2017A	
25	1751010093	Đinh Bá Linh	04/11/1999	Nam	106	Y2017A	
26	1751010096	Trần Minh Lộc	05/04/1999	Nam	235	Y2017A	
27	1751010120	Lê Thiện Bảo Nguyên	29/04/1999	Nữ	245	Y2017A	
28	1751010124	Hoàng Long Nhật	22/12/1999	Nam	116	Y2017A	
29	1751010125	Nguyễn Thị Phương Nhi	14/05/1999	Nữ	274	Y2017A	
30	1751010130	Đoàn Nhữ Lâm Oanh	23/06/1999	Nữ	362	Y2017A	
31	1751010152	Phạm Quốc Trí Tài	26/11/1999	Nam	072	Y2017A	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
32	1751010155	Nguyễn Thị Ngọc Tâm	09/09/1999	Nữ	273	Y2017A	
33	1751010204	Trần Quốc Trung	16/09/1999	Nam	081	Y2017A	
34	1751010987	Đặng Hoàng Huy	12/6/1998	Nam	079	Y2016A	
35	1754010008	Trần Hoàng Đạt	23/02/1999	Nam	150	DUOC2017	
36	1754010031	Hồ Ngọc Phước	18/01/1999	Nam	244	DUOC2017	
37	1754010051	Soudsavang Onchay	//	Nữ	064	DUOC2017	
38	1754010053	Chanthavisouk Ketsana	//	Nữ	250	DUOC2017	
39	1851010001	Đoàn Thúy An	26/3/2000	Nữ	232	Y2018A	
40	1851010002	Đặng Cửu Tuấn Anh	21/7/1999	Nam	345	Y2018A	
41	1851010003	Lâm Minh Anh	13/2/2000	Nam	357	Y2018A	
42	1851010004	Lê Đức Anh	25/10/2000	Nam	354	Y2018A	
43	1851010005	Mai Đức Anh	29/8/2000	Nữ	153	Y2018A	
44	1851010006	Nguyễn Phan Hoàng Anh	17/6/2000	Nữ	121	Y2018A	
45	1851010007	Nguyễn Thị Mai Anh	2/2/2000	Nam	352	Y2018A	
46	1851010008	Nguyễn Thị Minh Anh	21/4/1999	Nam	152	Y2018A	
47	1851010009	Trần Bảo Anh	6/3/2000	Nam	051	Y2018A	
48	1851010010	Bùi Thái Bảo	30/1/1998	Nam	205	Y2018A	
49	1851010011	Nguyễn Hoàng Bảo	22/2/2000	Nam	019	Y2018A	
50	1851010012	Nguyễn Phương Trí Bảo	8/11/2000	Nam	221	Y2018A	
51	1851010013	Phan Gia Bảo	20/2/2000	Nữ	113	Y2018A	
52	1851010014	Đặng Văn Bình	22/2/2000	Nữ	212	Y2018A	
53	1851010015	Nguyễn Khả Tân Châu	18/6/2000	Nữ	241	Y2018A	
54	1851010016	Nguyễn Lê Bảo Châu	19/11/1999	Nữ	155	Y2018A	
55	1851010017	Nguyễn Phan Bảo Châu	15/9/2000	Nam	074	Y2018A	
56	1851010018	Vũ Minh Châu	3/1/2000	Nam	044	Y2018A	
57	1851010019	Nguyễn Lê Quốc Chí	26/3/2000	Nam	311	Y2018A	
58	1851010020	Kiều Công Cường	17/4/1998	Nữ	065	Y2018A	
59	1851010021	Nguyễn Thanh Danh	29/2/2000	Nam	213	Y2018A	
60	1851010022	Đặng Huỳnh Bội Doanh	16/2/2000	Nam	089	Y2018A	
61	1851010023	Trần Nhật Duy	30/3/2000	Nam	054	Y2018A	
62	1851010024	Lê Bùi Tiến Dũng	21/12/1999	Nữ	239	Y2018A	
63	1851010025	Phạm Hùng Dũng	8/1/2000	Nữ	104	Y2018A	
64	1851010026	Nguyễn Thị Thùy Dương	8/6/2000	Nam	368	Y2018A	
65	1851010027	Nguyễn Thị Hồng Đào	20/5/2000	Nam	199	Y2018A	
66	1851010028	Nguyễn Thành Đại	10/2/1999	Nam	243	Y2018A	
67	1851010030	Trần Quốc Đạt	10/3/1999	Nam	061	Y2018A	
68	1851010031	Nguyễn Hồng Đăng	//	Nam	333	Y2018A	
69	1851010032	Lê Nguyễn Lam Điền	22/2/2000	Nam	117	Y2018A	
70	1851010033	Vũ Văn Định	17/5/2000	Nam	295	Y2018A	
71	1851010034	Lê Nguyên Đức	6/9/2000	Nam	224	Y2018A	
72	1851010035	Nguyễn Anh Đức	1/6/1999	Nam	369	Y2018A	
73	1851010036	Phạm Ngọc Đức	29/12/1998	Nam	073	Y2018A	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
74	1851010038	Trịnh Hoài Đức	9/8/1999	Nữ	349	Y2018A	
75	1851010039	Trần Hoàng Gia	14/4/2000	Nữ	318	Y2018A	
76	1851010040	Phạm Ngọc Quỳnh Giang	24/10/2000	Nam	271	Y2018A	
77	1851010041	Trần Thị Hồng Hà	16/12/2000	Nam	060	Y2018A	
78	1851010042	Phan Anh Hào	16/11/2000	Nữ	329	Y2018A	
79	1851010043	Trần Nhật Hào	5/9/2000	Nữ	257	Y2018A	
80	1851010044	Nguyễn Thị Mỹ Hào	18/2/2000	Nữ	053	Y2018A	
81	1851010045	Phan Nguyễn Minh Hạnh	17/11/2000	Nam	046	Y2018A	
82	1851010046	Phạm Nguyễn Thúy Hằng	10/12/1998	Nam	100	Y2018A	
83	1851010047	Nguyễn Minh Hi	28/6/2000	Nam	145	Y2018A	
84	1851010048	Nguyễn Thanh Hiền	29/4/1999	Nam	128	Y2018A	
85	1851010049	Đặng Quốc Hiếu	27/11/2000	Nam	307	Y2018A	
86	1851010050	Phạm Trung Hiếu	6/2/2000	Nam	339	Y2018A	
87	1851010051	Trần Minh Chí Hiếu	20/9/2000	Nam	097	Y2018A	
88	1851010053	Nguyễn Trí Hiện	12/10/2000	Nữ	142	Y2018A	
89	1851010054	Trương Bảo Hiệp	4/1/2000	Nam	351	Y2018A	
90	1851010055	Nguyễn Hồng Hoa	18/4/2000	Nam	068	Y2018A	
91	1851010057	Vũ Đức Hợp	25/5/1999	Nam	109	Y2018A	
92	1851010058	Nguyễn Thành Huân	26/2/2000	Nam	255	Y2018A	
93	1851010059	Phạm Đình Huê	21/12/2000	Nam	228	Y2018A	
94	1851010060	Lê Vĩnh Huy	26/7/1999	Nam	278	Y2018A	
95	1851010061	Lê Anh Hùng	20/12/2000	Nam	263	Y2018A	
96	1851010062	Lê Tuấn Hùng	14/11/2000	Nữ	249	Y2018A	
97	1851010064	Tổng Thị Hương	22/12/2000	Nữ	337	Y2018A	
98	1851010065	Trần Giáng Hương	9/12/2000	Nam	326	Y2018A	
99	1851010067	Lê Thị Hường	5/4/2000	Nam	317	Y2018A	
100	1851010068	Nguyễn Trần Khang	1/11/2000	Nam	083	Y2018A	
101	1851010069	Đào Tuấn Khoa	17/10/1999	Nam	344	Y2018A	
102	1851010070	Huỳnh Đăng Khoa	20/5/2000	Nam	210	Y2018A	
103	1851010071	Thị Nguyễn Đăng Khoa	11/3/2000	Nam	353	Y2018A	
104	1851010072	Trần Minh Khoa	20/1/2000	Nam	110	Y2018A	
105	1851010073	Phạm Anh Khôi	17/10/2000	Nữ	276	Y2018A	
106	1851010075	Lê Trung Kiên	14/2/2000	Nữ	141	Y2018A	
107	1851010076	Trần Thu Kiều	5/11/2000	Nữ	102	Y2018A	
108	1851010077	Nguyễn Huỳnh Thanh Lam	1/6/2000	Nữ	214	Y2018A	
109	1851010078	Phạm Bảo Duy Lam	7/9/2000	Nam	067	Y2018A	
110	1851010079	Nguyễn Thị Hoàng Lan	14/4/2000	Nữ	287	Y2018A	
111	1851010080	Huỳnh Vương Phúc Lâm	11/4/2000	Nữ	292	Y2018A	
112	1851010081	Nguyễn Thị Mỹ Liên	27/11/1999	Nam	346	Y2018A	
113	1851010082	Lê Đoàn Khánh Linh	7/9/2000	Nữ	275	Y2018A	
114	1851010083	Lê Trần Gia Linh	20/9/2000	Nữ	246	Y2018A	
115	1851010084	Nguyễn Ái Linh	14/11/2000	Nam	021	Y2018A	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
116	1851010085	Đàm Thị Thanh Loan	12/11/2000	Nam	281	Y2018A	
117	1851010086	Dương Nhật Long	20/8/2000	Nam	027	Y2018A	
118	1851010087	Lai Dương Long	28/5/2000	Nam	130	Y2018A	
119	1851010088	Trần Vương Quang Lộc	4/4/2000	Nam	217	Y2018A	
120	1851010089	Nguyễn Đức Luân	15/10/2000	Nam	043	Y2018A	
121	1851010090	Trần Gia Luật	5/1/2000	Nữ	029	Y2018A	
122	1851010091	Hoàng Đức Lương	19/2/2000	Nữ	324	Y2018A	
123	1851010092	Quách Thị Ly Ly	8/9/2000	Nữ	261	Y2018A	
124	1851010093	Hàn Nguyễn Thanh Mai	29/8/2000	Nữ	322	Y2018A	
125	1851010094	Thạch Thị Xuân Mai	7/11/2000	Nữ	320	Y2018A	
126	1851010095	Trần Thị Thanh Mai	20/5/2000	Nam	160	Y2018A	
127	1851010096	Trương Quỳnh Mai	16/10/2000	Nữ	360	Y2018A	
128	1851010097	Ngô Đình Mạnh	30/10/2000	Nam	010	Y2018A	
129	1851010098	Phù Lệ Mẫn	15/4/2000	Nữ	063	Y2018A	
130	1851010099	Nguyễn Dương Hải Minh	17/4/2000	Nam	259	Y2018A	
131	1851010100	Trần Vũ Ngọc Minh	8/1/2000	Nam	347	Y2018A	
132	1851010101	Nguyễn Nam	7/10/2000	Nữ	348	Y2018A	
133	1851010102	Võ Thành Nam	8/11/1997	Nữ	264	Y2018A	
134	1851010103	Nguyễn Thúy Nga	5/3/2000	Nữ	120	Y2018A	
135	1851010104	Thái Kim Ngân	9/11/2000	Nữ	269	Y2018A	
136	1851010105	Vũ Thu Ngân	22/8/2000	Nữ	119	Y2018A	
137	1851010106	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	10/8/1999	Nữ	098	Y2018A	
138	1851010107	Trần Thị Ánh Ngọc	8/2/1998	Nữ	157	Y2018A	
139	1851010109	Nguyễn Ngọc Đan Nguyên	9/7/2000	Nam	233	Y2018A	
140	1851010110	Võ Thị Thu Nguyệt	25/2/2000	Nam	282	Y2018A	
141	1851010113	Trần Hoàng Nhân	27/8/2000	Nữ	050	Y2018A	
142	1851010114	Vũ Minh Nhật	12/1/1999	Nữ	066	Y2018A	
143	1851010115	Nguyễn Phan Uyển Nhi	20/6/2000	Nữ	042	Y2018A	
144	1851010116	Phạm Khánh Nhi	1/1/2000	Nữ	288	Y2018A	
145	1851010117	Võ Khánh Nhi	25/11/2000	Nữ	331	Y2018A	
146	1851010118	Lâm Thị Huỳnh Như	20/4/2000	Nữ	107	Y2018A	
147	1851010119	Lê Quỳnh Như	31/10/2000	Nữ	052	Y2018A	
148	1851010120	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	4/1/2000	Nữ	332	Y2018A	
149	1851010121	Nguyễn Thị Quỳnh Như	7/8/1999	Nữ	127	Y2018A	
150	1851010122	Phạm Thị Như	7/12/1999	Nữ	114	Y2018A	
151	1851010123	Huỳnh Thị Kiều Oanh	24/1/2000	Nam	216	Y2018A	
152	1851010124	Lưu Thị Kim Oanh	29/4/1999	Nữ	140	Y2018A	
153	1851010125	Nguyễn Văn Bảo Phúc	13/3/2000	Nữ	356	Y2018A	
154	1851010126	Lê Thị Nam Phương	1/5/2000	Nam	200	Y2018A	
155	1851010127	Nguyễn Phạm Linh Phương	15/2/2000	Nam	283	Y2018A	
156	1851010129	Võ Thanh Quang	23/7/2000	Nam	330	Y2018A	
157	1851010130	Huỳnh Minh Quân	25/10/1998	Nam	310	Y2018A	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
158	1851010131	Trần Hoàng Quân	22/2/1997	Nữ	132	Y2018A	
159	1851010132	Hồ Đắc Quyền	14/4/2000	Nữ	131	Y2018A	
160	1851010133	Lê Thị Hằng Quyền	7/1/2000	Nữ	370	Y2018A	
161	1851010134	Nguyễn Nhật Quyền	8/7/2000	Nữ	219	Y2018A	
162	1851010135	Nguyễn Thị Hồng Quyền	4/8/2000	Nữ	328	Y2018A	
163	1851010136	Phạm Nguyễn Ngọc Quyền	11/6/2000	Nữ	122	Y2018A	
164	1851010137	Trần Đoàn Ái Quyền	27/5/1999	Nữ	301	Y2018A	
165	1851010138	Đoàn Như Quỳnh	25/9/2000	Nữ	290	Y2018A	
166	1851010139	Phạm Ngọc Mỹ Quỳnh	2/9/2000	Nam	207	Y2018A	
167	1851010140	Vũ Như Quỳnh	17/8/2000	Nam	014	Y2018A	
168	1851010141	Đào Duy Thanh Quý	12/8/1999	Nam	077	Y2018A	
169	1851010142	Lê Phú Quý	21/2/2000	Nam	040	Y2018A	
170	1851010143	Lê Tấn Sang	9/2/2000	Nam	335	Y2018A	
171	1851010144	Nguyễn Văn Sang	4/1/2000	Nam	101	Y2018A	
172	1851010145	Đoàn Lâm Sinh	20/3/2000	Nam	225	Y2018A	
173	1851010146	Nguyễn Hoàng Sơn	24/12/2000	Nam	143	Y2018A	
174	1851010147	Nguyễn Hồng Sơn	26/12/2000	Nam	209	Y2018A	
175	1851010148	Trần Hoàng Sơn	27/3/2000	Nam	338	Y2018A	
176	1851010149	Từ Thái Sơn	18/3/2000	Nam	048	Y2018A	
177	1851010150	Vũ Xuân Sơn	24/9/2000	Nữ	062	Y2018A	
178	1851010151	Lâm Nhật Tân	24/2/2000	Nữ	285	Y2018A	
179	1851010153	Kiều Lê Thanh Thanh	13/3/2000	Nam	148	Y2018A	
180	1851010154	Huỳnh Công Thành	23/3/1999	Nữ	325	Y2018A	
181	1851010155	Nguyễn Trí Thành	7/1/2000	Nam	316	Y2018A	
182	1851010156	Lê Thị Thu Thảo	22/8/2000	Nam	057	Y2018A	
183	1851010157	Lê Hữu Thắng	1/5/2000	Nam	059	Y2018A	
184	1851010158	Lê Minh Thắng	19/8/2000	Nam	154	Y2018A	
185	1851010159	Lê Nam Thắng	14/11/2000	Nam	270	Y2018A	
186	1851010160	Nguyễn Phan Quốc Thắng	13/5/2000	Nam	137	Y2018A	
187	1851010161	Nguyễn Minh Thiện	16/8/2000	Nam	151	Y2018A	
188	1851010162	Trà Dương Kim Thiện	30/10/2000	Nam	304	Y2018A	
189	1851010163	Huỳnh Trường Thịnh	17/1/2000	Nam	254	Y2018A	
190	1851010165	Trần Quốc Thịnh	18/3/1999	Nam	135	Y2018A	
191	1851010166	Nguyễn Thị Kim Thoa	28/1/1997	Nam	126	Y2018A	
192	1851010167	Huỳnh Gia Thông	12/7/2000	Nữ	056	Y2018A	
193	1851010168	Huỳnh Minh Thông	16/1/2000	Nữ	202	Y2018A	
194	1851010169	Đỗ Lý Phương Thùy	14/10/1999	Nữ	315	Y2018A	
195	1851010170	Huỳnh Nguyễn Minh Thư	7/3/2000	Nữ	012	Y2018A	
196	1851010171	Nguyễn Thị Thủy Tiên	4/11/2000	Nam	302	Y2018A	
197	1851010172	Nguyễn Thủy Tiên	15/1/2000	Nữ	319	Y2018A	
198	1851010173	Nguyễn Khoa Tiến	8/4/2000	Nữ	350	Y2018A	
199	1851010174	Hà Phạm Minh Trang	11/7/2000	Nữ	162	Y2018A	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
200	1851010175	Trần Thị Huyền Trang	5/5/2000	Nữ	125	Y2018A	
201	1851010176	Nguyễn Trần Nguyên Trân	21/7/2000	Nữ	297	Y2018A	
202	1851010177	Trần Lâm Bảo Trân	21/6/2000	Nam	258	Y2018A	
203	1851010178	Nguyễn Thúy Triều	10/9/1991	Nam	260	Y2018A	
204	1851010179	Thạch Minh Triều	1/1/2000	Nữ	071	Y2018A	
205	1851010180	Châu Khắc Triệu	27/11/2000	Nữ	280	Y2018A	
206	1851010181	Đào Thị Lan Trinh	30/9/1999	Nam	133	Y2018A	
207	1851010182	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	17/9/2000	Nam	208	Y2018A	
208	1851010183	Phạm Hoàng Trí	22/1/2000	Nam	277	Y2018A	
209	1851010184	Nguyễn Thanh Trọng	22/8/2000	Nữ	291	Y2018A	
210	1851010185	Trần Quốc Trung	10/1/2000	Nam	220	Y2018A	
211	1851010186	Nguyễn Ngọc Bảo Trúc	7/5/2000	Nam	136	Y2018A	
212	1851010187	Đặng Minh Tuấn	2/12/2000	Nam	139	Y2018A	
213	1851010188	Đinh Trần Gia Tuấn	20/8/2000	Nữ	223	Y2018A	
214	1851010189	Nguyễn Đặng Anh Tuấn	14/4/2000	Nam	327	Y2018A	
215	1851010190	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	1/12/1998	Nữ	341	Y2018A	
216	1851010191	Lê Đăng Tùng	1/12/2000	Nam	305	Y2018A	
217	1851010192	Bùi Hoàng Phương Tú	13/2/1999	Nam	092	Y2018A	
218	1851010193	Ngô Anh Tú	20/1/2000	Nữ	289	Y2018A	
219	1851010194	Hồ Xuân Tường	9/12/2000	Nữ	355	Y2018A	
220	1851010195	Nguyễn Thị Thu Uyên(1999)	1/4/1999	Nữ	226	Y2018A	
221	1851010196	Nguyễn Thị Thu Uyên(2000)	24/9/2000	Nữ	359	Y2018A	
222	1851010197	Võ Khánh Uyên	15/6/2000	Nữ	251	Y2018A	
223	1851010198	Vũ Ngọc Phương Uyên	7/3/2000	Nam	237	Y2018A	
224	1851010199	Nguyễn Tường Vi	10/9/2000	Nam	308	Y2018A	
225	1851010200	Đặng Anh Việt	10/4/2000	Nam	035	Y2018A	
226	1851010201	Đinh Hoàng Việt	13/10/2000	Nam	366	Y2018A	
227	1851010202	Trương Hoàng Việt	30/9/2000	Nam	358	Y2018A	
228	1851010203	Nguyễn Lâm Vinh	30/5/1999	Nữ	299	Y2018A	
229	1851010204	Nguyễn Triệu Vĩ	11/3/2000	Nữ	159	Y2018A	
230	1851010205	Nguyễn Thị Tường Vy	1/5/1989	Nữ	286	Y2018A	
231	1851010206	Nguyễn Xuân Thúy Vy	15/1/2000	Nữ	124	Y2018A	
232	1851010207	Phạm Nguyễn Phương Vy	30/3/2000	Nữ	204	Y2018A	
233	1851010208	Võ Phương Vy	30/11/2000	Nữ	138	Y2018A	
234	1851010209	Nguyễn Thị Tầm Xuân	8/4/2000	Nữ	008	Y2018A	
235	1851010210	Nguyễn Hoàng Yến	25/1/2000	Nữ	365	Y2018A	
236	1851010211	Nguyễn Kim Yến	5/7/1998	Nữ	306	Y2018A	
237	1851010338	Doãn Nguyễn Thanh Phong	6/2/2000	Nam	103	Y2018B	
238	1851010421	Đặng Ngọc Thúy Vy	22/10/1999	Nữ	099	Y2018B	
239	1851010607	Phạm Ngọc Bảo Trâm	20/1/2000	Nam	296	Y2018A	
240	1851010631	Nguyễn Tường Vy	13/9/2000	Nữ	134	Y2018A	
241	1851010643	Vi Thế Bảo	11/1/2000	Nữ	336	Y2018A	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
242	1851010699	Nguyễn Ngọc Hương	12/4/2000	Nữ	038	Y2018A	
243	1851010846	Đặng HoàNg Thiên Bảo	5/12/2000	Nữ	236	Y2018A	
244	1851010847	Nguyễn Xuân Đài	28/12/2000	Nữ	343	Y2018A	
245	1851010848	Trần Huỳnh Minh Khoa	29/3/2000	Nữ	367	Y2018A	
246	1851010849	Đỗ Danh Nhật	30/3/2000	Nữ	334	Y2018A	
247	1851010850	Nguyễn Gia Qui	28/11/2000	Nữ	112	Y2018A	
248	1851010851	Lê Đình TúNg	19/8/2000	Nữ	265	Y2018A	
249	1851010852	Nguyễn Hồ Gia Vinh	7/6/1999	Nam	267	Y2018A	
250	1851010853	Lương Cao Nhân	19/11/2000	Nữ	004	Y2018A	
251	1851010854	Nguyễn Trần Ngọc Thọ	25/2/2000	Nam	323	Y2018A	
252	1851010855	Phạm Trần Huy Tín	19/7/1999	Nam	111	Y2018A	
253	1851010856	Dương BàO TrúC	26/9/2000	Nam	115	Y2018A	
254	1851010876	Nguyễn Lê Cát Tường	9/4/2000	Nam	284	Y2018A	
255	1851010894	Trần Ánh Linh	23/11/1999	Nam	158	Y2018A	
256	1851010895	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	20/8/2000	Nữ	211	Y2018A	
257	1851010896	Nhek Bunmolika	18/3/2000	Nữ	076	Y2018A	
258	1851010897	Im Kadyravichtou	16/5/1997	Nam	002	Y2018A	
259	1851010898	Chen Piseth	10/3/1998	Nữ	055	Y2018A	
260	1851010899	Sang Sourng	5/8/1989	Nam	006	Y2018A	
261	1852010001	Lê Mai Khánh An	8/5/2000	Nữ	090	DUOC2018	
262	1852010003	Nguyễn Ngọc Phương Anh	18/9/2000	Nam	266	DUOC2018	
263	1852010004	Vũ Minh Anh	10/8/2000	Nữ	085	DUOC2018	
264	1852010005	Vương Nguyễn Thái Anh	2/7/2000	Nữ	047	DUOC2018	
265	1852010006	Nguyễn Ngọc Xuân Ánh	6/11/2000	Nam	078	DUOC2018	
266	1852010007	Phan Thị Ngọc Ánh	10/7/2000	Nữ	069	DUOC2018	
267	1852010008	Lê Đặng Việt Cường	11/3/2000	Nam	298	DUOC2018	
268	1852010009	Lê Thị Ngọc Dung	24/9/2000	Nữ	082	DUOC2018	
269	1852010010	Nguyễn Công Duy	17/2/2000	Nữ	229	DUOC2018	
270	1852010011	Hứa Vũ Duyên	9/8/2000	Nam	088	DUOC2018	
271	1852010012	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	28/2/1999	Nữ	218	DUOC2018	
272	1852010013	Nguyễn Đình Đạm	6/10/2000	Nam	364	DUOC2018	
273	1852010014	Lý Gia Hân	2/4/2000	Nam	105	DUOC2018	
274	1852010015	Dương Quốc Huy	11/10/2000	Nữ	075	DUOC2018	
275	1852010016	Nguyễn Duy Khang	3/5/2000	Nữ	049	DUOC2018	
276	1852010017	Võ Lê Khanh	2/7/2000	Nam	248	DUOC2018	
277	1852010018	Lục Ngọc Bảo Khánh	30/6/2000	Nữ	201	DUOC2018	
278	1852010019	Phan Nguyễn Hoàng Khôi	14/4/2000	Nữ	340	DUOC2018	
279	1852010020	Đào Khánh Linh	9/6/2000	Nữ	129	DUOC2018	
280	1852010021	Hà Phương Linh	20/3/2000	Nam	087	DUOC2018	
281	1852010022	Lê Thanh Loan	29/4/2000	Nữ	321	DUOC2018	
282	1852010023	Châu Hoàng Long	24/4/2000	Nữ	313	DUOC2018	
283	1852010024	Tô Thị Thanh Lưu	30/6/2000	Nam	086	DUOC2018	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
284	1852010025	Lưu Thụy Lệ Mai	10/3/2000	Nữ	300	DUOC2018	
285	1852010026	Loo Shi Minh	2/6/2000	Nam	033	DUOC2018	
286	1852010027	Trần Thị Thanh Ngân	15/5/2000	Nam	279	DUOC2018	
287	1852010028	Trương Minh Nguyên	14/8/2000	Nam	342	DUOC2018	
288	1852010029	Tô Duy Nhất	29/2/2000	Nữ	206	DUOC2018	
289	1852010030	Nguyễn Trịnh Hoàng Phúc	10/11/2000	Nữ	023	DUOC2018	
290	1852010031	Phan Dương Liên Phương	28/12/2000	Nam	227	DUOC2018	
291	1852010032	Lê Nhật Phụng	8/2/2000	Nam	045	DUOC2018	
292	1852010033	Vũ Văn Quỳnh	5/1/2000	Nam	149	DUOC2018	
293	1852010034	Tăng Bùn Sang	12/10/2000	Nữ	234	DUOC2018	
294	1852010035	Quách Ngọc Thanh	18/2/1999	Nam	215	DUOC2018	
295	1852010036	Huỳnh Xuân Thảo	21/3/2000	Nữ	070	DUOC2018	
296	1852010037	Lê Hữu Thịnh	13/5/2000	Nữ	238	DUOC2018	
297	1852010038	Khru Thuận Thủy	11/2/2000	Nữ	093	DUOC2018	
298	1852010039	Hồ Ngọc Minh Thư	13/1/2000	Nữ	095	DUOC2018	
299	1852010040	Lê Nữ Quỳnh Thư	15/4/2000	Nữ	147	DUOC2018	
300	1852010041	Nguyễn Ngọc Anh Thư	30/8/2000	Nữ	240	DUOC2018	
301	1852010042	Lê Hoàng Thương Thương	14/6/2000	Nữ	247	DUOC2018	
302	1852010043	Trần Nguyễn Thủy Trang	26/7/2000	Nam	361	DUOC2018	
303	1852010044	Trần Phương Vi	21/3/2000	Nam	256	DUOC2018	
304	1852010045	Huỳnh Thế Vinh	3/4/2000	Nữ	294	DUOC2018	
305	1852010046	Nguyễn Huỳnh Anh Vũ	4/9/2000	Nữ	262	DUOC2018	
306	1852010047	Phùng Ngọc Lan Vy	28/9/2000	Nữ	025	DUOC2018	
307	1852010048	Hoàng Ngọc Yến	7/7/2000	Nữ	161	DUOC2018	
308	1852010049	Trịnh Ngọc Như Ý	2/10/1999	Nam	272	DUOC2018	
309	1852010050	Sar Sokphara	31/12/1999	Nam	156	DUOC2018	
310	1852010051	Sisane Phonethip	5/7/1999	Nữ	080	DUOC2018	
311	1852010052	Ngô Nguyễn Chí Phúc	8/10/2000	Nữ	084	DUOC2018	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2021

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

20.SLB.Y2018.1

NGÀY THI: 28/04/2021

Sinh lý bệnh ca 3

Từ máy **001 - 180**: vào **cửa A**

Từ máy **371 - 415**: vào **cửa D**

Từ máy **181 - 270**: vào **cửa B**

Từ máy **416 - 460**: vào **cửa E**

Từ máy **271 - 360**: vào **cửa C**

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
1	1551010418	Nguyễn Hữu Ngọc Châu	14/12/1997	Nam	340	Y2015C	
2	1551010429	Nguyễn Anh Duy	26/11/1997	Nam	293	Y2015C	
3	1551010503	Dương Trọng Nghĩa	01/09/1997	Nam	278	Y2015C	
4	1551010570	Nguyễn Thị Phương Trang	04/07/1997	Nữ	348	Y2015C	
5	1651010463	Nguyễn Ngọc Chân Chân	01/12/1998	Nữ	204	Y2016C	
6	1651010478	Phạm Thế Duyệt	22/09/1998	Nam	053	Y2016C	
7	1651010482	Nguyễn Tấn Đạt	03/03/1998	Nam	022	Y2016C	
8	1651010500	Phạm Huy Hoàng	28/09/1992	Nam	236	Y2016C	
9	1651010515	Hứa Hoàng Khánh	18/05/1998	Nam	286	Y2016C	
10	1651010519	Nguyễn Lê Khiêm	05/10/1998	Nam	146	Y2016C	
11	1651010537	Đinh Phát Minh	17/10/1998	Nam	266	Y2016C	
12	1651010538	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	18/07/1998	Nam	109	Y2016C	
13	1651010539	Trần Công Minh	28/04/1997	Nam	138	Y2016C	
14	1651010569	Phan Diên Phát	19/03/1998	Nam	115	Y2016C	
15	1651010592	Lâm Minh Tâm	10/01/1998	Nam	216	Y2016C	
16	1651010632	Nguyễn Thành Trung	06/05/1998	Nam	041	Y2016C	
17	1651010648	Lê Việt Vũ	26/10/1998	Nam	211	Y2016C	
18	1751010462	Lê Minh Huy Anh	02/09/1999	Nam	154	Y2017C	
19	1751010465	Trần Thái Quang Bảo	18/03/1998	Nam	299	Y2017C	
20	1751010466	Đinh Quốc Bảo	11/11/1999	Nam	106	Y2017C	
21	1751010469	Đặng Thanh Cần	30/06/1997	Nam	350	Y2017C	
22	1751010484	Nguyễn Văn Dương	27/08/1999	Nam	272	Y2017C	
23	1751010508	Phạm Thị Hoài	06/01/1999	Nữ	261	Y2017C	
24	1751010521	Đoàn Nguyễn Thanh Huyền	30/07/1999	Nữ	329	Y2017C	
25	1751010540	Trần Quang Linh	31/03/1999	Nam	357	Y2017C	
26	1751010546	Nguyễn Duy Long	09/08/1999	Nam	321	Y2017C	
27	1751010584	Huỳnh Văn Phú	05/08/1999	Nam	066	Y2017C	
28	1751010585	Nguyễn Lộc Phúc	26/11/1999	Nam	111	Y2017C	
29	1751010591	Hồ Anh Quân	20/10/1998	Nam	231	Y2017C	
30	1751010593	Trần Đức Quang	06/07/1999	Nam	234	Y2017C	
31	1751010599	Nguyễn Hoàng Sơn	13/08/1998	Nam	250	Y2017C	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
32	1751010600	Nguyễn Thị Tú Strong	15/03/1999	Nữ	147	Y2017C	
33	1751010604	Võ Đình Tân	28/02/1999	Nam	366	Y2017C	
34	1751010618	Trần Gia Thịnh	15/06/1999	Nam	364	Y2017C	
35	1751010647	Mai Trinh	31/07/1999	Nữ	309	Y2017C	
36	1751010654	Nguyễn Thanh Tú	30/07/1999	Nam	310	Y2017C	
37	1751010658	Lý Minh Tùng	13/04/1999	Nam	338	Y2017C	
38	1751010730	Nguyễn Thụy Xuân Hoàng	29/05/1999	Nữ	260	Y2017D	
39	1751010936	Nguyễn Thị Yến Vy	29/08/1997	Nữ	291	Y2017C	
40	1751010944	Nguyễn Minh Thông	25/06/1999	Nam	284	Y2017C	
41	1751010950	Phạm Huỳnh Quang Vinh	11/09/1999	Nam	249	Y2017C	
42	1751010951	Nguyễn Minh Cảnh	12/04/1999	Nam	363	Y2017C	
43	1751010955	Đỗ Thị Ngọc Trâm	29/09/1999	Nữ	148	Y2017C	
44	1851010066	Trần Thị Quỳnh Hương	20/2/2000	Nam	302	Y2018C	
45	1851010074	Nguyễn Duy Khương	24/3/2000	Nữ	039	Y2018C	
46	1851010111	Huỳnh Nguyễn Thanh Nhân	22/11/2000	Nam	222	Y2018C	
47	1851010319	Phạm Quỳnh Ngọc	11/4/2000	Nam	349	Y2018C	
48	1851010325	Nguyễn Ngọc Sĩ Nguyên	8/12/2000	Nam	098	Y2018C	
49	1851010352	Trần Hoàng Anh Quốc	20/9/2000	Nam	239	Y2018C	
50	1851010423	Nguyễn Hồng An	1/12/2000	Nữ	263	Y2018C	
51	1851010424	Nguyễn Phạm Bình Gia An	20/11/2000	Nam	252	Y2018C	
52	1851010425	Trần Lê Phúc An	25/10/2000	Nữ	276	Y2018C	
53	1851010426	Cao Đức Anh	25/7/2000	Nữ	298	Y2018C	
54	1851010427	Nguyễn Phi Anh	20/1/1999	Nam	322	Y2018C	
55	1851010428	Nguyễn Thị Vân Anh	23/10/2000	Nam	335	Y2018C	
56	1851010429	Nguyễn Văn Thế Anh	27/11/1999	Nữ	007	Y2018C	
57	1851010430	Phan Đỗ Tuấn Anh	22/1/2000	Nam	213	Y2018C	
58	1851010431	Vi Thị Ánh	25/3/2000	Nam	036	Y2018C	
59	1851010432	Phạm Cao Long Ân	30/12/2000	Nam	037	Y2018C	
60	1851010433	Hoàng Phan Quốc Bảo	15/11/1999	Nam	253	Y2018C	
61	1851010434	Huỳnh Lâm Gia Bảo	6/7/2000	Nam	079	Y2018C	
62	1851010435	Trương Ngô Minh Bảo	9/6/2000	Nữ	142	Y2018C	
63	1851010436	Kiều Bôn	16/6/1997	Nữ	237	Y2018C	
64	1851010437	Nguyễn Ngọc Minh Châu	21/8/2000	Nữ	056	Y2018C	
65	1851010438	Trần Bảo Châu	11/3/2000	Nữ	307	Y2018C	
66	1851010439	Trịnh Minh Châu	24/6/2000	Nam	235	Y2018C	
67	1851010440	Lê Ngọc Linh Chi	23/9/2000	Nam	351	Y2018C	
68	1851010441	Lê Minh Chiến	11/7/2000	Nam	301	Y2018C	
69	1851010442	Huỳnh Công Danh	4/10/2000	Nữ	228	Y2018C	
70	1851010443	Văn Võ Công Danh	7/9/2000	Nữ	316	Y2018C	
71	1851010444	Đoàn Thị Diệu	25/2/2000	Nữ	058	Y2018C	
72	1851010445	Lâm Khả Doanh	11/7/2000	Nữ	352	Y2018C	
73	1851010446	Đinh Khánh Mỹ Dung	5/3/2000	Nữ	073	Y2018C	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
74	1851010447	Nguyễn Lê Thuỳ Dung	2/5/2000	Nữ	342	Y2018C	
75	1851010448	Phạm Thị Kim Dung	1/1/2000	Nữ	368	Y2018C	
76	1851010449	Trần Thuỳ Dung	19/10/2000	Nam	141	Y2018C	
77	1851010450	Võ Thị Thuỳ Dung	14/11/2000	Nam	028	Y2018C	
78	1851010451	Đinh Tiến Dũng	29/1/1999	Nam	328	Y2018C	
79	1851010452	Nguyễn Hải Dương	13/12/2000	Nam	332	Y2018C	
80	1851010453	Lê Quốc Đại	17/5/2000	Nam	305	Y2018C	
81	1851010454	Lê Nguyễn Phúc Đạt	27/4/2000	Nam	229	Y2018C	
82	1851010455	Nguyễn Quang Thành Đạt	6/1/1998	Nam	162	Y2018C	
83	1851010456	Nguyễn Tiến Đạt	16/3/2000	Nam	361	Y2018C	
84	1851010457	Nguyễn Tuấn Đạt	24/6/2000	Nam	346	Y2018C	
85	1851010458	Nguyễn Thành Đô	16/3/1997	Nam	279	Y2018C	
86	1851010459	Doãn Minh Đức	19/3/2000	Nữ	224	Y2018C	
87	1851010460	Võ Trịnh Minh Đức	26/11/2000	Nữ	199	Y2018C	
88	1851010461	Lê Quỳnh Giang	29/5/2000	Nam	219	Y2018C	
89	1851010462	Nguyễn Thuỳ Hương Giang	27/11/2000	Nữ	273	Y2018C	
90	1851010464	Trần Nam Giang	6/10/1998	Nữ	215	Y2018C	
91	1851010465	Trần Thị Hương Giang	11/4/2000	Nam	206	Y2018C	
92	1851010466	Nguyễn Thị Minh Hạnh	16/4/2000	Nam	001	Y2018C	
93	1851010467	Nguyễn Hữu Hậu	23/3/2000	Nữ	246	Y2018C	
94	1851010468	Hà Thái Hên	22/6/2000	Nữ	290	Y2018C	
95	1851010469	Nguyễn Thị Ngân Hiên	26/11/2000	Nam	303	Y2018C	
96	1851010470	Phạm Nhật Hiên	23/10/2000	Nam	354	Y2018C	
97	1851010471	Nguyễn Đình Hiễn	19/4/2000	Nam	289	Y2018C	
98	1851010472	Đoàn Ngọc Hiễn	20/6/2000	Nam	325	Y2018C	
99	1851010473	Đoàn Trung Hiếu	17/9/1997	Nam	369	Y2018C	
100	1851010474	Huỳnh Trung Hiếu	7/6/1999	Nam	341	Y2018C	
101	1851010476	Võ Lý Bảo Hiệp	23/4/1999	Nam	089	Y2018C	
102	1851010477	Huỳnh Phúc Hoàng	8/1/2000	Nam	244	Y2018C	
103	1851010478	Lê Võ Tấn Hoàng	14/8/1996	Nam	271	Y2018C	
104	1851010479	Đoàn Quang Huy	30/6/2000	Nam	275	Y2018C	
105	1851010480	Nguyễn Thanh Huy	14/11/2000	Nam	209	Y2018C	
106	1851010481	Trần Công Huy	29/5/1998	Nữ	324	Y2018C	
107	1851010482	Trương Đỗ Quốc Huy	1/9/2000	Nữ	283	Y2018C	
108	1851010483	Thái Thanh Huyền	9/11/2000	Nam	226	Y2018C	
109	1851010484	Đỗ Thị Xuân Huỳnh	24/12/2000	Nam	132	Y2018C	
110	1851010485	Lê Văn Hùng	4/12/2000	Nam	011	Y2018C	
111	1851010486	Nguyễn Quang Hưng	2/9/2000	Nữ	287	Y2018C	
112	1851010487	Nguyễn Xuân Hưng	13/4/1998	Nam	359	Y2018C	
113	1851010489	Nguyễn Cơ Song Hy	22/11/2000	Nam	130	Y2018C	
114	1851010490	Lê Vĩ Khang	14/5/2000	Nam	045	Y2018C	
115	1851010491	Nguyễn Phước Duy Khang	15/12/2000	Nam	220	Y2018C	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
116	1851010492	Nguyễn Quốc Trần Khang	29/1/2000	Nam	060	Y2018C	
117	1851010493	Phí Gia Khang	17/9/2000	Nam	282	Y2018C	
118	1851010494	Lê Đăng Khoa	26/12/2000	Nam	024	Y2018C	
119	1851010495	Mai Vũ Đăng Khoa	22/4/2000	Nam	158	Y2018C	
120	1851010496	Thái Trung Kiên	14/1/2000	Nữ	214	Y2018C	
121	1851010497	Phùng Bùi Tuấn Kiệt	6/5/2000	Nữ	150	Y2018C	
122	1851010498	Lê Lý Hoàng Kim	18/1/2000	Nam	210	Y2018C	
123	1851010499	Phạm Thiên Kim	1/5/1999	Nam	331	Y2018C	
124	1851010500	Đặng Thái Lãnh	28/7/1999	Nữ	313	Y2018C	
125	1851010501	Trần Minh Lâm	10/12/2000	Nữ	296	Y2018C	
126	1851010502	Trương Mai Lâm	13/3/2000	Nữ	267	Y2018C	
127	1851010503	Huỳnh Thị Kim Liên	19/1/1999	Nữ	269	Y2018C	
128	1851010504	Đậu Thiên Kỳ Linh	21/2/2000	Nam	277	Y2018C	
129	1851010507	Đỗ Vũ Hải Long	17/12/2000	Nam	334	Y2018C	
130	1851010509	Phạm Đức Long	2/10/2000	Nam	230	Y2018C	
131	1851010510	Trần Trọng Long	7/6/2000	Nam	304	Y2018C	
132	1851010511	Võ Kim Long	13/11/2000	Nam	336	Y2018C	
133	1851010513	Nguyễn Tuấn Minh	9/12/2000	Nữ	262	Y2018C	
134	1851010516	Nguyễn Võ Thị Hoàng My	26/4/2000	Nam	070	Y2018C	
135	1851010517	Trần Gia Mỹ	28/2/2000	Nam	013	Y2018C	
136	1851010518	Nguyễn Thanh Nam	19/9/2000	Nữ	268	Y2018C	
137	1851010519	Phan Hoàng Nam	13/3/2000	Nữ	317	Y2018C	
138	1851010520	Nguyễn Phạm Thoại Ngân	20/1/1999	Nữ	153	Y2018C	
139	1851010521	Trần Nguyễn Trúc Ngân	21/8/1999	Nữ	294	Y2018C	
140	1851010522	Dương Thị Phương Nghi	1/6/2000	Nam	144	Y2018C	
141	1851010523	Trần Dung Nghi	5/8/2000	Nam	241	Y2018C	
142	1851010524	Huỳnh Thành Nghĩa	2/1/2000	Nữ	297	Y2018C	
143	1851010525	Lê Trần Đại Nghĩa	20/9/2000	Nữ	203	Y2018C	
144	1851010527	Nguyễn Duy Ngọc	22/1/2000	Nam	030	Y2018C	
145	1851010528	Phan Diễm Bảo Ngọc	19/11/1999	Nữ	344	Y2018C	
146	1851010529	Nguyễn Hải Nguyên	12/4/2000	Nam	218	Y2018C	
147	1851010530	Nguyễn Khánh Nguyên	4/11/2000	Nữ	217	Y2018C	
148	1851010531	Phạm Thái Nguyên	11/8/2000	Nữ	094	Y2018C	
149	1851010532	Võ Thị Xuân Nguyên	11/3/1999	Nữ	327	Y2018C	
150	1851010533	Phan Thị Thanh Nhã	15/3/1999	Nữ	353	Y2018C	
151	1851010534	Lê Thái Thiên Nhân	28/3/2000	Nữ	134	Y2018C	
152	1851010536	Huỳnh Thị Yến Nhi	8/5/2000	Nữ	143	Y2018C	
153	1851010537	Lê Đông Nhi	11/12/1999	Nữ	201	Y2018C	
154	1851010538	Phạm Các Uyển Nhi	8/3/2000	Nữ	208	Y2018C	
155	1851010539	Trần Huyền Nhi	3/9/2000	Nữ	121	Y2018C	
156	1851010540	Lâm Yến Như	9/8/2000	Nữ	223	Y2018C	
157	1851010541	Lê Thị Huỳnh Như	3/2/2000	Nữ	281	Y2018C	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
158	1851010542	Lê Thị Quỳnh Như(T11)	20/11/2000	Nữ	140	Y2018C	
159	1851010543	Lê Thị Quỳnh Như(T7)	29/7/2000	Nam	232	Y2018C	
160	1851010544	Nguyễn Hoàng Khánh Như	31/10/2000	Nam	315	Y2018C	
161	1851010545	Huỳnh Phú Phong	23/2/2000	Nam	257	Y2018C	
162	1851010546	Nguyễn Ngọc Phong	19/4/2000	Nam	212	Y2018C	
163	1851010547	Võ Thanh Phong	16/6/2000	Nam	081	Y2018C	
164	1851010548	Nguyễn Bùi Hoàng Phú	14/8/2000	Nam	238	Y2018C	
165	1851010549	Nguyễn Văn Phú	11/11/1996	Nam	265	Y2018C	
166	1851010550	Trần Thanh Phú	11/10/2000	Nữ	062	Y2018C	
167	1851010551	Đinh Hoàng Phúc	16/1/2000	Nữ	005	Y2018C	
168	1851010552	Lê Hoài Phúc	7/11/2000	Nam	020	Y2018C	
169	1851010553	Lương Thân Hồng Phúc	19/8/2000	Nam	323	Y2018C	
170	1851010555	Thiệu Thanh Phúc	12/12/2000	Nam	051	Y2018C	
171	1851010556	Lê Minh Phước	12/2/2000	Nam	159	Y2018C	
172	1851010557	Nguyễn Trung Quang	29/4/2000	Nam	292	Y2018C	
173	1851010558	Trần Lê Quang	13/3/2000	Nam	200	Y2018C	
174	1851010559	Trần Minh Quang	22/3/2000	Nam	108	Y2018C	
175	1851010560	Trần Nhật Quang	19/6/2000	Nam	085	Y2018C	
176	1851010561	Nguyễn Đặng Ngọc Quảng	1/6/1999	Nam	155	Y2018C	
177	1851010562	Dương Kiến Quốc	17/12/2000	Nam	047	Y2018C	
178	1851010563	Trần Văn Quyền	5/12/1999	Nữ	358	Y2018C	
179	1851010564	Nguyễn Lý Nhật Quỳnh	4/3/2000	Nữ	207	Y2018C	
180	1851010565	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	31/8/2000	Nữ	151	Y2018C	
181	1851010566	Nguyễn Thuý Quỳnh	9/1/2000	Nam	075	Y2018C	
182	1851010567	Giang Gia San	19/2/2000	Nam	308	Y2018C	
183	1851010568	Âu Dương Sâm	31/10/2000	Nam	339	Y2018C	
184	1851010569	Nguyễn Thanh Sơn	17/10/2000	Nam	280	Y2018C	
185	1851010570	Nguyễn Tấn Tài	17/7/2000	Nam	326	Y2018C	
186	1851010571	Trương Thiên Tài	13/9/2000	Nữ	119	Y2018C	
187	1851010572	Ngô Tuệ Tâm	24/3/2000	Nữ	064	Y2018C	
188	1851010573	Nguyễn Lê Hoàng Tâm	6/1/1999	Nam	104	Y2018C	
189	1851010574	Đinh Thị Mỹ Thanh	23/4/2000	Nam	149	Y2018C	
190	1851010575	Trần Hoàng Thao	8/9/2000	Nữ	319	Y2018C	
191	1851010577	Lê Mai Thảo	3/1/2000	Nam	330	Y2018C	
192	1851010578	Phạm Thị Thảo	16/9/2000	Nữ	360	Y2018C	
193	1851010579	Trần Trúc Thảo	24/4/2000	Nữ	245	Y2018D	
194	1851010580	Ngô Nghiêן Thạch	17/3/2000	Nam	347	Y2018C	
195	1851010581	Nguyễn Hồng Thắm	29/4/2000	Nam	333	Y2018C	
196	1851010582	Hoàng Chiến Thắng	3/2/2000	Nữ	314	Y2018C	
197	1851010584	Đặng Trương Nhã Thi	27/1/2000	Nam	123	Y2018C	
198	1851010585	Lương Công Thiện	15/7/2000	Nam	043	Y2018C	
199	1851010586	Nguyễn Đức Kim Thiện	27/7/1997	Nữ	343	Y2018C	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
200	1851010587	Nguyễn Trường Thọ	3/7/2000	Nữ	285	Y2018C	
201	1851010588	Đỗ Nguyễn Minh Thư	23/7/2000	Nữ	049	Y2018C	
202	1851010589	Võ Xuân Quỳnh Thư	7/5/2000	Nam	068	Y2018C	
203	1851010590	Vũ Thụy Anh Thư	15/8/1999	Nữ	083	Y2018C	
204	1851010591	Nguyễn Hoài Thương	25/8/2000	Nữ	034	Y2018C	
205	1851010592	Bùi Thị Mỹ Tiên	15/1/2000	Nam	274	Y2018C	
206	1851010593	Lê Thủy Tiên	10/3/2000	Nam	221	Y2018C	
207	1851010594	Phạm Cao Tiến	14/10/1999	Nam	258	Y2018C	
208	1851010595	Võ Minh Tiến	2/1/2000	Nam	337	Y2018C	
209	1851010597	Nguyễn Đỗ Toàn	20/1/1998	Nam	117	Y2018C	
210	1851010599	Nguyễn Trí Toàn	11/12/2000	Nữ	256	Y2018C	
211	1851010600	Lê Nguyễn Phương Trang	23/5/2000	Nữ	345	Y2018C	
212	1851010601	Nguyễn Trần Thùy Trang	24/11/1999	Nữ	009	Y2018C	
213	1851010603	Lê Vũ Hồng Trâm	31/7/1999	Nữ	365	Y2018C	
214	1851010604	Lê Vũ Thanh Trâm	17/3/2000	Nữ	270	Y2018C	
215	1851010605	Nguyễn Huỳnh Bích Trâm	9/7/1999	Nam	160	Y2018C	
216	1851010606	Nguyễn Thị Bích Trâm	6/5/2000	Nữ	356	Y2018C	
217	1851010608	Hồ Ngọc Trân	12/9/2000	Nữ	225	Y2018C	
218	1851010609	Nguyễn Thị Quế Trân	13/3/2000	Nữ	355	Y2018C	
219	1851010610	Nguyễn Tố Trân	1/11/2000	Nữ	100	Y2018C	
220	1851010611	Bùi Nguyễn Hoài Trinh	20/2/2000	Nam	248	Y2018C	
221	1851010612	Nguyễn Thị Diệu Trinh	17/12/2000	Nam	306	Y2018C	
222	1851010613	Ngô Tấn Trung	24/3/1999	Nam	240	Y2018C	
223	1851010614	Trần Tiến Trung	6/1/1999	Nam	300	Y2018C	
224	1851010615	Võ Phước Trung	20/6/2000	Nam	156	Y2018C	
225	1851010616	Nguyễn Công Trường	13/8/1995	Nam	243	Y2018C	
226	1851010617	Nguyễn Quang Trường	6/9/2000	Nam	113	Y2018C	
227	1851010618	Đỗ Đình Tuấn	16/10/2000	Nam	077	Y2018C	
228	1851010619	Nguyễn Thanh Tuấn	15/5/1997	Nữ	161	Y2018C	
229	1851010620	Vũ Minh Tuấn	21/6/2000	Nữ	242	Y2018C	
230	1851010621	Hứa Kim Uyên	3/8/2000	Nữ	026	Y2018C	
231	1851010623	Nguyễn Kiều Uyên	19/6/2000	Nữ	157	Y2018C	
232	1851010624	Trần Thị Vân Uyên	17/3/2000	Nam	259	Y2018C	
233	1851010625	Trần Trịnh Mẫn Uyên	3/7/1999	Nam	152	Y2018C	
234	1851010626	Nguyễn Quốc Văn	1/7/2000	Nữ	003	Y2018C	
235	1851010627	Huỳnh Nhật Vũ	7/4/2000	Nữ	367	Y2018C	
236	1851010628	Lê Khắc Hải Vy	27/2/2000	Nữ	362	Y2018C	
237	1851010629	Mai Lê Lan Vy	2/7/2000	Nữ	145	Y2018C	
238	1851010630	Nguyễn Khánh Vy	8/4/2000	Nữ	128	Y2018C	
239	1851010632	Trần Mỹ Vy	24/10/2000	Nữ	318	Y2018C	
240	1851010633	Nguyễn Hoàng Yến	18/5/2000	Nam	136	Y2018C	
241	1851010681	Trần Thị Thái Hiền	12/4/2000	Nam	295	Y2018C	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
242	1851010746	Nguyễn Hữu Nguyên	2/11/2000	Nữ	288	Y2018C	
243	1851010867	Lê Song An	1/3/2000	Nữ	202	Y2018C	
244	1851010869	Nguyễn Quốc Bảo	31/1/2000	Nữ	096	Y2018C	
245	1851010870	Đặng Thế Hường	11/3/1999	Nữ	311	Y2018C	
246	1851010871	Châu Quang Huy	9/8/2000	Nam	087	Y2018C	
247	1851010872	Trương Minh Khôi	14/3/2000	Nam	125	Y2018C	
248	1851010873	Hồ Như Ngọc	9/4/2000	Nam	227	Y2018C	
249	1851010874	Dương Thị Huỳnh Như	21/8/2000	Nữ	032	Y2018C	
250	1851010875	Hồ Nguyễn Khả Nh Vỹ	20/3/2000	Nam	233	Y2018C	
251	1851010890	Lê Quang Đạo	18/4/2000	Nam	251	Y2018C	
252	1851010891	Nguyễn Kim Đan	25/4/2000	Nam	312	Y2018C	
253	1851010892	Trần Minh Bảo Quỳnh	27/9/2000	Nam	254	Y2018C	
254	1851010893	Mai Đàm Trúc Vy	26/10/1999	Nam	320	Y2018C	
255	1851010906	Sengmanee Laiphone	22/4/1999	Nam	370	Y2018C	
256	1851010907	Sihachak Nalin	27/12/1998	Nam	072	Y2018C	
257	1851010908	Madsavong Ngoud	6/4/1998	Nam	255	Y2018C	
258	1851010909	Thepphavongsa Pavina	3/4/2000	Nam	102	Y2018C	
259	1851010910	Phanhthavong Phetdavanh	13/5/1997	Nữ	264	Y2018C	
260	1851010911	Sangouansaksy Phonethip	20/8/1998	Nữ	205	Y2018C	
261	1851010912	Khounphinit Sodalay	9/7/1999	Nam	247	Y2018C	
262	1851010913	Chanthavong Thavixay	7/9/1999	Nữ	092	Y2018C	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2021

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

20.SLB.Y2018.1

NGÀY THI: 28/04/2021

Sinh lý bệnh ca 4

Từ máy **001 - 180**: vào **cửa A**

Từ máy **371 - 415**: vào **cửa D**

Từ máy **181 - 270**: vào **cửa B**

Từ máy **416 - 460**: vào **cửa E**

Từ máy **271 - 360**: vào **cửa C**

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
1	10.01.13.4.240	You Bunngov		Nam	359	Y2013D	
2	1551010621	Suy Channiruth	18/03/1995	Nam	346	Y2015D	
3	1551010684	Phạm Phú Lộc	10/09/1997	Nam	331	Y2015D	
4	1551010721	Kim Srey Nich	27/07/1996	Nữ	107	Y2015D	
5	1551010723	Đặng Tiến Phát	09/04/1994	Nam	321	Y2015D	
6	1551010746	Ngô Phước Tài	05/05/1997	Nam	357	Y2015D	
7	1551010753	Nguyễn Lê Thanh Thảo	24/10/1997	Nữ	142	Y2015D	
8	1551010792	Thân Trọng Hoàng Việt	26/06/1997	Nam	110	Y2015D	
9	1651010674	Sokhom Bomnong	03/07/1997	Nữ	205	Y2016D	
10	1651010686	Lê Chí Cường	06/07/1998	Nam	038	Y2016D	
11	1651010730	Phạm Quang Khải	18/09/1997	Nam	239	Y2016D	
12	1651010756	Silatikoun Meksouly	17/06/1996	Nữ	296	Y2016D	
13	1651010797	Nguyễn Như Quỳnh	26/05/1998	Nữ	080	Y2016D	
14	1651010800	Meas Sochivin	08/08/1997	Nam	160	Y2016D	
15	1651010803	Sengdeuane Sonephanh	08/09/1996	Nữ	364	Y2016D	
16	1651010814	Chen Thearith	20/11/1997	Nam	294	Y2016D	
17	1651010816	Châu Quốc Thịnh	21/02/1998	Nam	286	Y2016D	
18	1651010819	Đặng Vũ Anh Thương	15/10/1998	Nam	339	Y2016D	
19	1651010879	Av Limhuon	30/12/1993	Nam	158	Y2016D	
20	1651010880	Seann Leang	01/02/1991	Nam	272	Y2016D	
21	1751010358	Hoàng Ngô Sĩ Phú	25/08/1999	Nam	250	Y2017D	
22	1751010679	Cao Nguyễn Hoài Ân	29/03/1999	Nam	042	Y2017D	
23	1751010680	Trần Thiên Ân	25/10/1999	Nam	091	Y2017D	
24	1751010700	Phù Linh Đan	09/04/1999	Nữ	217	Y2017D	
25	1751010716	Huỳnh Mỹ Hà	18/11/1998	Nữ	255	Y2017D	
26	1751010736	Nguyễn An Dương Hưng	25/10/1999	Nam	154	Y2017D	
27	1751010737	Lê Trần Minh Hưng	16/09/1999	Nam	318	Y2017D	
28	1751010773	Vũ Đức Lương	20/10/1999	Nam	151	Y2017D	
29	1751010860	Cao Thị Bích Trâm	07/08/1998	Nữ	204	Y2017D	
30	1751010864	Thái Thị Thùy Trang	30/09/1999	Nữ	356	Y2017D	
31	1751010892	Nguyễn Huy Vinh	12/08/1998	Nam	093	Y2017D	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
32	1751010896	Phạm Thị Mỹ Vy	02/04/1999	Nữ	208	Y2017D	
33	1751010958	Nguyễn Đỗ Phúc Hiệp	13/09/1998	Nam	201	Y2017D	
34	1751010962	Lê Tấn Hùng	23/04/1999	Nam	067	Y2017D	
35	1751010966	Ung Chhayngoun	//	Nữ	211	Y2017D	
36	1751010967	Khim Langmardy	//	Nữ	263	Y2017D	
37	1751010968	Sang Lida	//	Nữ	088	Y2017D	
38	1751010969	Bounnyaseng Phongsanga	//	Nữ	225	Y2017D	
39	1751010970	Phetpaseuth Sisamout	//	Nữ	336	Y2017D	
40	1751010971	Oeur Sokha	//	Nữ	033	Y2017D	
41	1751010972	Seeyee Suexiong	//	Nữ	305	Y2017D	
42	1751010975	Phanthanalai Vidaphone	//	Nữ	324	Y2017D	
43	1751010980	Vann Bophatuoch	15/1/1998	Nữ	313	Y2017D	
44	1751010981	Salilay Khamxang	4/1/1996	Nam	071	Y2017D	
45	1751010982	Phoutdavong Soukvanphone	26/6/1998	Nam	254	Y2017D	
46	1751010983	Louangbounma Bounphone	12/12/1997	Nữ	291	Y2017D	
47	1751010984	Kosila Channida	29/6/1998	Nữ	159	Y2017D	
48	1751010985	Sanasith Souksavanh	3/11/1999	Nữ	301	Y2017D	
49	1751010986	Inthathilath Xaiya	21/11/1998	Nữ	297	Y2017D	
50	1851010475	Nguyễn Trung Hiếu	20/9/2000	Nữ	341	Y2018D	
51	1851010554	Phan Thanh Phúc	14/1/2000	Nữ	218	Y2018D	
52	1851010634	Nguyễn Trần Trường An	22/11/2000	Nam	120	Y2018D	
53	1851010635	Lê Phương Anh	7/7/2000	Nữ	279	Y2018D	
54	1851010636	Lê Tuấn Anh	25/3/2000	Nữ	076	Y2018D	
55	1851010637	Nguyễn Ngọc Cát Anh	1/2/1999	Nữ	367	Y2018D	
56	1851010638	Nguyễn Quỳnh Anh	15/9/2000	Nữ	300	Y2018D	
57	1851010639	Phạm Bùi Phương Anh	10/7/2000	Nam	268	Y2018D	
58	1851010640	Thái Nguyễn Nhất Anh	20/6/2000	Nam	008	Y2018D	
59	1851010641	Bùi Gia Bảo	27/8/2000	Nam	280	Y2018D	
60	1851010642	Lê Quốc Bảo	6/5/2000	Nữ	127	Y2018D	
61	1851010644	Nguyễn Lâm Bách	6/1/2000	Nam	229	Y2018D	
62	1851010645	Nguyễn Trần Phương Băng	21/6/2000	Nam	103	Y2018D	
63	1851010646	Nguyễn Thanh Bình	28/9/1999	Nữ	101	Y2018D	
64	1851010647	Đoàn Trần Châu	8/4/2000	Nữ	348	Y2018D	
65	1851010648	Phạm Ngọc Ngân Châu	29/1/2000	Nữ	086	Y2018D	
66	1851010649	Hồ Trần Linh Chi	17/1/2000	Nam	299	Y2018D	
67	1851010650	Ngô Thanh Chi	7/10/2000	Nam	014	Y2018D	
68	1851010651	Châu Mạnh Cường	18/8/2000	Nữ	282	Y2018D	
69	1851010652	Trần Vũ Nhật Cường	14/5/2000	Nữ	266	Y2018D	
70	1851010653	Hoàng Thị Thúy Diễm	15/2/2000	Nam	153	Y2018D	
71	1851010654	Trần Lê Phương Dung	7/12/1999	Nam	327	Y2018D	
72	1851010655	Huỳnh Hữu Duy	18/6/1999	Nam	328	Y2018D	
73	1851010656	Lê Khắc Duy	22/9/2000	Nam	325	Y2018D	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
74	1851010657	Phạm Trần Anh Duy	6/3/2000	Nam	320	Y2018D	
75	1851010658	Lê Văn Dũng	1/10/1999	Nữ	055	Y2018D	
76	1851010659	Nguyễn Mạnh Trường Dũng	24/9/2000	Nam	084	Y2018D	
77	1851010661	Nguyễn Hữu Đan	1/3/2000	Nam	052	Y2018D	
78	1851010662	Nguyễn Văn Thành Đạt	17/8/1999	Nam	277	Y2018D	
79	1851010663	Trần Quang Đạt	19/1/1999	Nam	082	Y2018D	
80	1851010664	Vũ Nguyễn Quốc Đạt	1/3/1999	Nam	262	Y2018D	
81	1851010665	Phan Huỳnh Đắc	4/2/2000	Nam	253	Y2018D	
82	1851010666	Nguyễn Viết Đoan	10/12/2000	Nữ	264	Y2018D	
83	1851010667	Trần Thanh Giang	2/1/2000	Nam	345	Y2018D	
84	1851010668	Võ Ngọc Quỳnh Giao	4/12/2000	Nam	329	Y2018D	
85	1851010669	Lâm Gia Hào	18/11/1999	Nam	114	Y2018D	
86	1851010670	Đoàn Lê Hải	27/7/2000	Nam	261	Y2018D	
87	1851010671	Đỗ Phan Hải	6/5/2000	Nam	295	Y2018D	
88	1851010672	Nguyễn Minh Hải	28/2/2000	Nam	095	Y2018D	
89	1851010673	Nguyễn Tấn Hải	11/9/2000	Nam	332	Y2018D	
90	1851010674	Phạm Thiện Hào	25/10/2000	Nữ	227	Y2018D	
91	1851010675	Lâm Nghị Hằng	30/9/2000	Nữ	231	Y2018D	
92	1851010676	Lý Gia Hân	7/5/2000	Nữ	270	Y2018D	
93	1851010678	Lê Thị Diệu Hiền	20/9/2000	Nữ	236	Y2018D	
94	1851010682	Phan Chí Hiếu	19/10/1990	Nam	343	Y2018D	
95	1851010683	Tạ Minh Hiếu	25/2/2000	Nam	065	Y2018D	
96	1851010684	Nguyễn Đặng Huy Hoàng	19/5/2000	Nam	312	Y2018D	
97	1851010685	Nguyễn Hữu Hoàng	30/11/2000	Nam	207	Y2018D	
98	1851010686	Nguyễn Khánh Hoàng	12/3/2000	Nữ	322	Y2018D	
99	1851010688	Lê Thị Bích Hồng	22/3/2000	Nam	258	Y2018D	
100	1851010689	Hoàng Đức Huy	4/10/1999	Nam	363	Y2018D	
101	1851010690	Huỳnh Quốc Huy	29/4/2000	Nam	353	Y2018D	
102	1851010692	Lê Quang Huy	3/9/2000	Nam	144	Y2018D	
103	1851010693	Lê Quốc Huy	7/6/2000	Nam	338	Y2018D	
104	1851010694	Lưu Trần Hoàng Huy	8/4/2000	Nam	223	Y2018D	
105	1851010695	Nguyễn Minh Huy	7/2/2000	Nữ	150	Y2018D	
106	1851010696	Trần Quang Huy	7/11/2000	Nữ	124	Y2018D	
107	1851010697	Đặng Thị Quỳnh Hương	18/1/2000	Nữ	155	Y2018D	
108	1851010698	Lê Thị Lan Hương	8/1/2000	Nam	366	Y2018D	
109	1851010700	Trần Thu Hương	3/11/2000	Nữ	260	Y2018D	
110	1851010701	Đoàn Quốc Hữu	22/6/2000	Nữ	145	Y2018D	
111	1851010702	Lê Thị Vân Khanh	18/8/2000	Nữ	303	Y2018D	
112	1851010703	Nguyễn Đường Gia Khanh	3/12/2000	Nữ	232	Y2018D	
113	1851010704	Võ Lê Vân Khanh	23/9/1999	Nam	141	Y2018D	
114	1851010705	Võ Ngọc Bảo Khanh	17/3/2000	Nam	002	Y2018D	
115	1851010706	Lê Đăng Khoa	27/3/2000	Nam	048	Y2018D	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
116	1851010707	Nguyễn Đăng Khoa	23/12/1997	Nam	105	Y2018D	
117	1851010709	Phan Nguyễn Anh Khoa	31/7/2000	Nữ	276	Y2018D	
118	1851010710	Nguyễn Anh Khôi	6/12/2000	Nữ	358	Y2018D	
119	1851010711	Lê Huỳnh Thị Nhật Kiều	16/9/2000	Nữ	340	Y2018D	
120	1851010712	Nguyễn Thị Mĩ Linh	13/6/2000	Nữ	298	Y2018D	
121	1851010713	Trần Thị Mỹ Linh	1/8/2000	Nữ	233	Y2018D	
122	1851010714	Trần Thị Thùy Linh	16/3/2000	Nữ	247	Y2018D	
123	1851010715	Trịnh Ngọc Trúc Linh	24/6/1998	Nam	004	Y2018D	
124	1851010716	Lương Thị Kim Loan	30/7/2000	Nam	315	Y2018D	
125	1851010717	Đoàn Vũ Phi Long	20/6/2000	Nam	314	Y2018D	
126	1851010718	Hoàng Trọng Bảo Long	30/7/2000	Nam	368	Y2018D	
127	1851010719	Huỳnh Thăng Long	10/10/2000	Nữ	220	Y2018D	
128	1851010720	Nguyễn Hải Long	30/12/2000	Nam	290	Y2018D	
129	1851010723	Trần Hoàng Long(T3)	16/3/2000	Nam	278	Y2018D	
130	1851010724	Trần Hoàng Long(T8)	30/8/2000	Nữ	156	Y2018D	
131	1851010726	Nguyễn Thị Kim Khánh Ly	13/10/2000	Nam	137	Y2018D	
132	1851010727	Nguyễn Ngọc Thanh Mai	24/4/2000	Nam	118	Y2018D	
133	1851010728	Trần Đức Mạnh	1/10/2000	Nam	035	Y2018D	
134	1851010729	Bùi Lê Nhật Minh	9/3/2000	Nữ	275	Y2018D	
135	1851010730	Vương Nhật Minh	27/11/1999	Nam	302	Y2018D	
136	1851010731	Phan Nguyễn Hoàng My	26/11/2000	Nam	244	Y2018D	
137	1851010732	Đặng Gia Nam	3/7/2000	Nam	316	Y2018D	
138	1851010733	Hoàng Nhật Nam	15/10/2000	Nam	251	Y2018D	
139	1851010735	Trần Đình Nam	2/3/2000	Nữ	146	Y2018D	
140	1851010736	Trần Ngọc Nhật Nam	17/3/2000	Nữ	149	Y2018D	
141	1851010737	Nguyễn Ngô Ngọc Ngân	5/7/2000	Nam	350	Y2018D	
142	1851010738	Võ Uyên Ngân	11/8/2000	Nam	265	Y2018D	
143	1851010739	Bùi Trọng Nghĩa	8/2/1999	Nam	335	Y2018D	
144	1851010740	Hoàng Đức Nghĩa	23/12/2000	Nữ	370	Y2018D	
145	1851010741	Phạm Nguyễn Hoàng Nghị	4/5/2000	Nữ	148	Y2018D	
146	1851010742	Bùi Lâm Mộng Ngọc	23/12/1999	Nữ	281	Y2018D	
147	1851010743	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	6/9/2000	Nữ	248	Y2018D	
148	1851010744	Võ Nguyễn Hồng Ngọc	2/12/2000	Nữ	344	Y2018D	
149	1851010745	Lương Trần Thảo Nguyên	15/1/2000	Nữ	288	Y2018D	
150	1851010747	Nguyễn Thị Bình Nguyên	11/11/2000	Nam	214	Y2018D	
151	1851010748	Bùi Trầm Minh Nguyệt	4/11/2000	Nữ	352	Y2018D	
152	1851010749	Lê Trọng Nhân	31/10/2000	Nữ	023	Y2018D	
153	1851010750	Huỳnh Hoàng Nhi	27/5/2000	Nữ	256	Y2018D	
154	1851010751	Mai Thị Lan Nhi	13/4/2000	Nữ	234	Y2018D	
155	1851010752	Nguyễn Thị Bảo Nhi	15/3/2000	Nữ	235	Y2018D	
156	1851010753	Phan Thị Tuyết Nhi	27/2/1999	Nữ	242	Y2018D	
157	1851010754	Phạm Hoàng Yến Nhi	18/4/1999	Nữ	283	Y2018D	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
158	1851010755	Trịnh Hoàng Trúc Nhi	2/1/2000	Nam	267	Y2018D	
159	1851010756	Trương Thị Hồng Nhi	16/6/2000	Nữ	090	Y2018D	
160	1851010757	Nguyễn Hoàng Nhị	2/1/2000	Nữ	209	Y2018D	
161	1851010758	Kiều Thị Tuyết Nhung	11/12/2000	Nam	317	Y2018D	
162	1851010759	Vũ Quỳnh Như	28/7/1999	Nam	271	Y2018D	
163	1851010760	Võ Tấn Phát	17/5/2000	Nam	362	Y2018D	
164	1851010761	Đoàn Thiên Phú	16/6/2000	Nam	237	Y2018D	
165	1851010762	Nguyễn Đức Thiên Phú	2/7/2000	Nữ	228	Y2018D	
166	1851010763	Nguyễn Ngọc Phụng	1/3/2000	Nữ	112	Y2018D	
167	1851010765	Huỳnh Nguyễn Trúc Phương	30/5/2000	Nam	351	Y2018D	
168	1851010766	Trần Nam Phương	19/9/2000	Nam	063	Y2018D	
169	1851010768	Phạm Nhật Phước	1/1/2000	Nữ	334	Y2018D	
170	1851010769	Lê Văn Quang	26/8/2000	Nữ	355	Y2018D	
171	1851010770	Lê Thị Nguyệt Quế	31/3/2000	Nữ	289	Y2018D	
172	1851010771	Lê Mỹ Nhựt Quỳnh	29/7/2000	Nữ	284	Y2018D	
173	1851010772	Nguyễn Bùi Như Quỳnh	5/2/2000	Nam	135	Y2018D	
174	1851010773	Nguyễn Lê Trúc Quỳnh	26/1/1999	Nam	333	Y2018D	
175	1851010774	Mai Văn Quý	22/8/1981	Nam	031	Y2018D	
176	1851010775	Hứa Sua	1/6/2000	Nữ	046	Y2018D	
177	1851010776	Huỳnh Nhật Tâm	8/10/2000	Nữ	219	Y2018D	
178	1851010777	Nguyễn Phúc Khai Tâm	8/9/2000	Nam	311	Y2018D	
179	1851010778	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24/2/2000	Nam	129	Y2018D	
180	1851010779	Lương Nhật Tân	13/8/2000	Nam	216	Y2018D	
181	1851010780	Phạm Nhật Tân	10/7/2000	Nam	230	Y2018D	
182	1851010781	Diệp Bảo Thành	17/3/2000	Nữ	027	Y2018D	
183	1851010782	Lê Tiến Thành	26/5/2000	Nữ	224	Y2018D	
184	1851010783	Đặng Phương Thảo	5/3/2000	Nữ	116	Y2018D	
185	1851010784	Đinh Thanh Thảo	14/5/2000	Nữ	147	Y2018D	
186	1851010785	Nguyễn Phạm Phương Thảo	25/2/2000	Nữ	050	Y2018D	
187	1851010786	Nguyễn Thanh Thảo	3/4/2000	Nữ	246	Y2018D	
188	1851010787	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/11/2000	Nữ	061	Y2018D	
189	1851010788	Võ Kim Thảo	8/4/2000	Nam	354	Y2018D	
190	1851010789	Võ Thanh Thảo	29/1/2000	Nam	040	Y2018D	
191	1851010790	Nguyễn Minh Thái	25/1/2000	Nam	269	Y2018D	
192	1851010791	Phạm Đình Thạch	19/9/1998	Nữ	310	Y2018D	
193	1851010792	Ngô Cam Thạnh	10/6/2000	Nam	361	Y2018D	
194	1851010793	Tăng Tịnh Thi	23/12/2000	Nam	161	Y2018D	
195	1851010794	Phạm Nguyễn Thuận Thiên	6/10/2000	Nữ	203	Y2018D	
196	1851010795	Nguyễn Hoàng Thông	3/12/2000	Nữ	306	Y2018D	
197	1851010796	Nguyễn Thị Hoài Thu	13/9/2000	Nam	019	Y2018D	
198	1851010797	Nguyễn Thị Thanh Thu	31/3/2000	Nam	257	Y2018D	
199	1851010798	Tạ Ngọc Thuần	14/12/2000	Nam	326	Y2018D	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
200	1851010799	Trần Minh Quang Thuận	31/8/2000	Nữ	330	Y2018D	
201	1851010800	Văn Phi Thuận	5/1/2000	Nữ	249	Y2018D	
202	1851010801	Nguyễn Thị Thanh Thùy	28/3/2000	Nữ	274	Y2018D	
203	1851010802	Liêu Thị Thanh Thúy	19/11/2000	Nam	029	Y2018D	
204	1851010803	Hoàng Minh Thư	21/9/2000	Nam	010	Y2018D	
205	1851010804	Võ Tin	2/1/2000	Nam	222	Y2018D	
206	1851010805	Nguyễn Trung Tín	28/10/1999	Nữ	226	Y2018D	
207	1851010806	Hồ Vĩnh Ngọc Trai	30/5/2000	Nữ	323	Y2018D	
208	1851010807	Cao Thị Phương Trang	26/4/2000	Nữ	202	Y2018D	
209	1851010808	Phan Thị Thùy Trang	17/3/2000	Nữ	365	Y2018D	
210	1851010809	Đặng Vũ Bảo Trân	26/3/2000	Nữ	319	Y2018D	
211	1851010810	Lê Trần Ngọc Trân	28/3/2000	Nữ	069	Y2018D	
212	1851010811	Phan Lại Hồng Triển	9/9/1999	Nam	131	Y2018D	
213	1851010812	Trần Nguyễn Thảo Trinh	2/7/2000	Nữ	241	Y2018D	
214	1851010813	Dương Minh Trí	9/8/2000	Nữ	245	Y2018D	
215	1851010814	Huỳnh Thị Tài Trí	27/3/2000	Nam	157	Y2018D	
216	1851010815	Lê Thanh Anh Trí	31/12/2000	Nam	347	Y2018D	
217	1851010816	Lư Gia Trí	2/2/2000	Nam	133	Y2018D	
218	1851010817	Nguyễn Minh Trí	//	Nam	342	Y2018D	
219	1851010818	Võ Thanh Trí	//	Nam	012	Y2018D	
220	1851010819	Đào Văn Trung	12/11/2000	Nam	059	Y2018D	
221	1851010820	Trần Đức Trung	24/11/2000	Nam	369	Y2018D	
222	1851010821	Trần Nguyên Trung	27/10/2000	Nữ	259	Y2018D	
223	1851010822	Võ Thành Trung	23/1/1999	Nam	078	Y2018D	
224	1851010823	Trần Ngọc Thanh Trúc	9/10/2000	Nam	143	Y2018D	
225	1851010824	Nguyễn Nhật Trường	29/12/2000	Nam	152	Y2018D	
226	1851010825	Nguyễn Trọng Trường	2/1/2000	Nam	074	Y2018D	
227	1851010826	Lê Công Trứ	1/1/2000	Nam	337	Y2018D	
228	1851010827	Bùi Anh Tuấn	14/6/2000	Nam	215	Y2018D	
229	1851010828	Lương Vĩ Tuấn	2/8/2000	Nam	139	Y2018D	
230	1851010829	Thái Ngọc Minh Tuấn	8/5/2000	Nam	285	Y2018D	
231	1851010830	Trịnh Xuân Tuấn	1/2/2000	Nam	243	Y2018D	
232	1851010831	Cung Thiên Tú	11/1/2000	Nam	292	Y2018D	
233	1851010832	Trần Minh Tú	29/9/2000	Nữ	122	Y2018D	
234	1851010834	Cổ Thị Mai Uyên	29/8/2000	Nữ	097	Y2018D	
235	1851010835	Dương Thanh Uyên	11/9/1999	Nam	221	Y2018D	
236	1851010836	Đặng Thị Anh Vân	6/1/1999	Nam	307	Y2018D	
237	1851010837	Lê Quốc Vinh	8/6/2000	Nam	054	Y2018D	
238	1851010838	Phạm Đình Vinh	15/10/2000	Nữ	126	Y2018D	
239	1851010839	Phan Thanh Trần Vũ	2/11/2000	Nữ	206	Y2018D	
240	1851010840	Lê Thị Nhựt Vy	2/9/2000	Nam	099	Y2018D	
241	1851010841	Nguyễn Ngọc Yến Vy	7/11/2000	Nữ	293	Y2018D	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới	Máy	Lớp	Ghi chú
242	1851010842	Kiều Huỳnh Vỹ	20/5/2000	Nữ	162	Y2018D	
243	1851010844	Dương Lê Hồng Yến	18/12/1999	Nam	212	Y2018D	
244	1851010845	Trần Ngọc Như Ý	14/5/2000	Nam	213	Y2018D	
245	1851010877	Phan Huỳnh Anh	19/6/2000	Nam	057	Y2018D	
246	1851010880	Nguyễn Thị Hồng Ánh	23/6/2000	Nam	349	Y2018D	
247	1851010881	Võ Ái Thanh Huyền	22/11/2000	Nam	273	Y2018D	
248	1851010883	Nguyễn Thị Đoan Trang	26/6/2000	Nữ	238	Y2018D	
249	1851010884	Dương Thị Anh Thư	12/11/1999	Nam	044	Y2018D	
250	1851010885	Võ Bá Minh Tiến	2/9/2000	Nữ	308	Y2018D	
251	1851010886	Phan Thị Anh Thư	24/12/2000	Nữ	309	Y2018D	
252	1851010888	Võ Trọng Tín	29/12/2000	Nam	200	Y2018D	
253	1851010889	Hồ Trần Bảo Trâm	18/2/2000	Nam	006	Y2018D	
254	1851010914	Phommachan Poukkham	5/8/1999	Nam	360	Y2018D	
255	1851010915	Xaychamnern Savanma	10/8/1996	Nam	210	Y2018D	
256	1851010917	Keovilai Soyphet	10/9/1999	Nam	304	Y2018D	
257	1851010918	Phrathepsouvanh Thipphakone	15/2/1998	Nữ	199	Y2018D	
258	1851010919	Souvannalat Thongsamai	2/5/1995	Nam	240	Y2018D	
259	1851010920	Chanmany Vongphachanh	20/7/2000	Nam	021	Y2018D	
260	1851010921	Thepsouvanh Vongphachanh	6/6/2000	Nam	025	Y2018D	
261	1851010922	Phạm Ngọc Minh	2/4/2000	Nữ	287	Y2018D	
262	1851010924	Bùi Đại Lâm	6/2/2000	Nữ	252	Y2018D	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2021

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO